

## **DANH SÁCH CHỮ VIẾT TẮT**

BTC	Bộ Tài Chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BPBL	Bảng phân bổ lương
BCTC	Báo cáo tài chính
BPTC	Biện pháp thi công
BPATLĐ	Biện pháp an toàn lao động
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CT	Công trình
CNTT	Công nhân trực tiếp
CF	Chi phí
DDCK	Dở dang cuối kỳ
DDĐK	Dở dang đầu kỳ
GTGT	Giá trị gia tăng
MTC	Máy thi công
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
NCTT	Nhân công trực tiếp
NKC	Nhật ký chung
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXC	Sản xuất chung
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KLXL	Khối lượng xây lắp
Z	Giá thành

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1- Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:

Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta có nhiều chuyển biến do có sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ cơ chế bao cấp của Nhà nước sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Trước sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, mối quan tâm lớn nhất của các doanh nghiệp là lợi nhuận vì nó quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Từ tình hình thực tế, các doanh nghiệp phải có các giải pháp cụ thể để tăng lợi nhuận đảm bảo cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển.

Giá thành sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì thế công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm là rất quan trọng. Nó là cơ sở giúp cho doanh nghiệp quyết định được giá bán sản phẩm có lãi và doanh nghiệp biết được sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Để làm tốt công việc này, đòi hỏi các doanh nghiệp cần tổ chức công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ quy định và đúng phương pháp để từ đó có những biện pháp cụ thể tiết kiệm các khoản mục chi phí chi dùng cho sản xuất.

Xuất phát từ nhận thức trên và qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH An Cư em thấy xây lắp là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty và hiện nay Công ty đang dần phát huy khả năng và ưu thế của mình trên thị trường này. Để đạt được lợi nhuận cao nhất với chi phí bỏ ra thấp nhất, đồng thời sản phẩm xây lắp đạt chất lượng cao thì việc tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty đã được chú ý và đặc biệt coi trọng.

Đề tài đã được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu, song còn chưa sáng tỏ. Xuất phát từ sự cần thiết cả về lý luận và thực tiễn nêu trên em chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH An Cư”** làm báo cáo tốt nghiệp của mình.

## **2- Mục đích nghiên cứu của đề tài:**

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp trong doanh nghiệp, đồng thời qua nghiên cứu thực trạng tại Công ty TNHH An Cư từ đó đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện vấn đề được nghiên cứu.

## **3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp của Công ty TNHH An Cư.

Phạm vi nghiên cứu: Báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp của Công ty TNHH An Cư quý IV năm 2009.

## **4- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:**

- Quá trình nghiên cứu đề tài chúng ta tìm hiểu được thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp của Công ty TNHH An Cư.

- Từ thực trạng đó chúng ta có thể thấy những ưu điểm và hạn chế của công tác kế toán để đưa ra những giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp tại Công ty TNHH An Cư. Kết quả của quá trình nghiên cứu có thể chọn lọc áp dụng cho những đơn vị xây lắp có những đặc điểm tương đồng với đơn vị.

## **5- Kết cấu của báo cáo:**

Nội dung chính của báo cáo gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở doanh nghiệp xây dựng.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Cư.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp tại Công ty TNHH An Cư.

## **CHƯƠNG 1**

# **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP Ở DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG**

### **1.1 Đặc điểm của sản phẩm xây lắp và yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, tính giá thành.**

#### **1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp**

Xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất độc lập, có chức năng tạo ra tài sản cố định, cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân, tăng cường tiềm lực kinh tế cho đất nước. Vì vậy, một bộ phận lớn trong thu nhập quốc dân và vốn đầu tư từ nước ngoài được sử dụng trong lĩnh vực XD CB. Ngành XD CB có những đặc thù riêng về kinh tế - kỹ thuật, thể hiện rất rõ nét ở sản phẩm đó. Đặc điểm rõ nét nhất trong XD CB là:

- Quá trình từ khi khởi công xây lắp đến khi công trình (sản phẩm) hoàn thành bàn giao đi và sử dụng thường là dài, nó phụ thuộc và tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn: chuẩn bị điều kiện để thi công, xây dựng, lắp đặt kết cấu, thiết bị công nghệ và các thiết bị kỹ thuật phục vụ cho đối tượng đầu tư, hoàn thiện công trình. Mỗi giai đoạn thi công lại gồm nhiều công việc khác nhau mà các công việc xây dựng lại chủ yếu được thực hiện ngoài trời nên XD CB chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, khách quan như: nắng, mưa, bão, lũ...do đó dẫn đến quá trình thi công và điều kiện thi công thường không ổn định, luôn biến động theo địa điểm xây dựng và theo từng giai đoạn thi công công trình.

- Thi công từng công trình đều theo đơn đặt hàng của chủ đầu tư, do vậy mà nó phụ thuộc và yêu cầu của khách hàng và thiết kế mỹ thuật của công trình. Vì vậy khi thi công công trình, đơn vị xây lắp phải đảm bảo bàn giao đúng tiến độ, đúng thiết kế mỹ thuật và phải đảm bảo được chất lượng công trình.

- Sản phẩm của xây dựng đó là những công trình sản xuất, dân dụng có đủ điều kiện đưa vào sản xuất, sử dụng và phát huy tác dụng. Nó gắn liền trên một địa điểm nhất định (bao gồm đất đai, mặt nước, mặt biển, thềm lục địa...) tạo thành mặt bằng vật liệu xây dựng, máy móc và thiết bị lao động. Sản phẩm của ngành xây dựng có đặc điểm là nơi sản xuất sản phẩm cũng là nơi tiêu thụ sản phẩm với quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính chất đơn chiếc, thời gian sử dụng lâu dài, giá trị lớn.

Những đặc điểm trên đây của phẩm xây lắp có ảnh hưởng rất lớn công tác tổ chức hạch toán kế toán nói chung và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

### ***1.1.2. Yêu cầu của tổ chức quản lý chi phí sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm xây lắp và nhiệm vụ của kế toán trong doanh nghiệp xây dựng***

Thực tế ở nước ta trong những năm qua, ở lĩnh vực xây dựng cơ bản đã xảy ra tình trạng lãng phí, thất thoát một lượng khá lớn vốn đầu tư. Việc thất thoát vốn đầu tư là do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó việc quản lý vốn đầu tư không khoa học, chặt chẽ là nguyên nhân quan trọng thứ nhất. Để khắc phục tình trạng này, nhà nước đã thực hiện quản lý giá xây dựng thông qua việc ban hành các chế độ chính sách về giá: các nguyên tắc, phương pháp lập dự toán, các căn cứ như, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá xây dựng, tỷ suất vốn đầu tư... để xác định tổng mức vốn đầu tư, tổng dự toán công trình và dự toán cho từng hạng mục công trình và dự toán cho hạng mục công trình.

Giá thành toàn công trình là giá trúng thầu và các điều kiện được ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và doanh nghiệp xây lắp, giá trúng thầu phải nhỏ hơn tổng dự toán được duyệt...

Để đảm bảo thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế kỹ thuật, đảm bảo chất lượng công trình ...với chi phí hợp lý thì doanh nghiệp xây lắp phải có biện pháp đấu thầu, giao thầu xây lắp. Do đó, muốn trúng thầu, được nhận thầu thi công một công trình thì doanh nghiệp phải xây dựng được giá thầu hợp lý cho công trình do đó dựa trên cơ sở xác định mức đơn giá thị trường và khả năng xây dựng của bản thân doanh nghiệp.

Mặt khác, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu của bất kỳ một doanh nghiệp xây lắp nào.

Để thực hiện mục tiêu đó, các doanh nghiệp đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó có biện pháp quản lý bằng công cụ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò then chốt. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm khoa học, hợp lý.

- Ghi chép, tính toán, phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của hoạt động xây lắp, xác định hiệu quả từng phần và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định bằng phương pháp đã chọn, cung cấp kịp thời các thông tin, số liệu tổng hợp về các khoản mục chi phí sản xuất và các yếu tố chi phí quy định. Xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp để tính toán giá thành sản phẩm xây lắp theo đúng các khoản mục quy định và kỳ tính giá thành đã xác định.

- Định kỳ cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cho lãnh đạo doanh nghiệp, tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí, dự toán, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ giá thành sản phẩm, phát hiện kịp thời khả năng tiềm tàng, đề xuất các biện pháp thích hợp để phấn đấu không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

## **1.2. Chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng**

### ***1.2.1. Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng:***

#### ***1.2.1.1 Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng***

Quá trình sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng là quá trình chuyển biến của vật liệu xây dựng thành sản phẩm dưới sự tác động của máy móc thiết bị cùng sức lao động của công nhân. Nói cách khác, các yếu tố về tư liệu lao động, đối tượng lao động (hao phí lao động vật hoá) dưới sự tác động có mục đích của lao động (hao phí về lao động sống) qua quá trình thi công sẽ trở thành sản phẩm xây dựng. Tất cả những hao phí này được thể hiện dưới hình thái giá trị đó là chi phí.

Như vậy, chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các lao động cần thiết khác mà doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành các hoạt động sản xuất sản phẩm xây lắp trong một thời kì nhất định (tháng, quý, năm). Nói cách khác, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí mà doanh nghiệp phải tiêu dùng trong một kỳ để thực hiện quá trình sản xuất và tiêu dùng sản phẩm. Thực chất chi phí sản xuất là sự dịch chuyển vốn, chuyển dịch giá trị các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá.

Tuy nhiên, khi tiến hành xây dựng không phải tất cả các khoản chi phí đều liên quan đến hoạt động sản xuất sản phẩm xây lắp mà còn các khoản chi phí khác ngoài chi phí sản xuất như chi phí QLDN, chi phí trả cho các khoản tiền phạt về vi phạm hợp đồng, hao hụt vật tư ngoài định mức... Vì thế, chúng ta cần phải phân biệt được sự khác nhau giữa chi phí và chi tiêu.

Chi phí sản xuất chỉ là những khoản chi để tiến hành hoạt động sản xuất. Ngược lại, chi tiêu là sự giảm đi đơn thuần các loại vật tư, tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp bất kể nó được dùng vào mục đích gì. Tổng số chi tiêu trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm chi tiêu cho quá trình cung cấp (chi mua vật tư, hàng hoá...), chi tiêu cho quá trình sản xuất, kinh doanh (chi cho sản xuất, cho công

tác quản lý...) và có thể là chi tiêu cho quá trình tiêu thụ. Chi phí và chi tiêu là hai khái niệm khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Chi tiêu là cơ sở phát sinh của chi phí, không có chi tiêu thì không có chi phí. Tổng số chi phí trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ giá trị tài sản hao phí hoặc tiêu dùng hết cho quá trình sản xuất kinh doanh tính vào kỳ này. Chi phí và chi tiêu không những khác nhau về lượng mà còn khác nhau về thời gian, có những khoản chi tiêu kỳ này nhưng không được tính vào chi phí (chi mua vật liệu nhập kho nhưng chưa sử dụng) và có những khoản tính vào chi phí kỳ này nhưng thực tế chưa chi tiêu (chi phí trích trước). Sở dĩ có sự khác nhau giữa chi tiêu và chi phí trong doanh nghiệp là do đặc điểm, tính chất vận động và phương thức chuyển dịch giá trị của từng loại tài sản vào quá trình sản xuất, kinh doanh và kỹ thuật hạch toán kế toán chung.

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp phát sinh liên tục, thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, để phục vụ cho công tác quản lý một cách hiệu quả chi phí sản xuất phải tập hợp theo từng thời kỳ (hàng tháng, hàng quý, năm) phù hợp với kỳ báo cáo, thời gian xây dựng và đưa vào sử dụng. Hạch toán kế toán đúng chi phí hợp lý, hợp lệ loại trừ các chi phí sẽ bị duyệt bỏ ở sổ kế toán để đảm bảo tính đúng giá thành sản phẩm. Đặc biệt, giá thành sản phẩm xây dựng là giá thoả thuận trước với chủ đầu tư nên hạch toán kế toán chi phí chính xác mới đảm bảo có lãi.

### ***1.2.2 Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp***

Chi phí sản xuất của các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp bao gồm nhiều loại với nội dung kinh tế khác nhau. Việc hạch toán kế toán chi phí sản xuất theo từng tiêu thức sẽ nâng cao tính chi tiết của thông tin, là cơ sở cho việc phấn đấu giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường hạch toán kế toán kinh tế trong các đơn vị xây lắp. Với lý do trên, để phục vụ tốt công tác quản lý chi phí sản xuất và kế toán tập hợp chi phí sản xuất có thể tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo những tiêu thức khác nhau. Thông thường chi phí sản xuất ở doanh nghiệp xây lắp được phân loại theo các tiêu thức sau:



1.2.2.1 Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí

Để phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng và phân tích định mức vốn lưu động cũng như việc lập, kiểm tra và phân tích dự toán chi phí. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, toàn bộ chi phí được chia thành 7 yếu tố sau:

- Yếu tố nguyên liệu, vật liệu : Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên liệu, vật liệu chính (như: cát, gạch ,vôi , sắt , thép...), vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ...được sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị dụng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi cùng với nhiên liệu, động lực)
- Yếu tố nhiên liệu, động lực sử dụng vào quá trình sản xuất – kinh doanh trong kỳ (trừ số dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).
- Yếu tố tiền lương và các khoản phụ cấp lương: Phản ánh tổng số tiền lương và phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho người lao động.
- Yếu tố BHXH, BHYT, KPCĐ: trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và phụ cấp lương phải trả người lao động.
- Yếu tố khấu hao TSCĐ: Phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ phải trích trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho SXKD trong kỳ.
- Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào SXKD.
- Yếu tố chi phí bằng tiền khác: Phản ánh toàn bộ các chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc phân loại chi phí theo các yếu tố cho biết tỷ trọng từng yếu tố chi phí sản xuất để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, là cơ sở để lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ lương, kế hoạch về vốn giúp cho việc thực hiện công tác kế toán, cũng như các công tác quản lý chi phí sản xuất trong đơn vị.

### 1.2.2.2 Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng của chi phí

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành toàn bộ, chi phí được phân theo khoản mục. Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Theo quy định hiện hành, giá thành toàn bộ của sản phẩm bao gồm các khoản mục chi phí sau :

*Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* Bao gồm toàn bộ các khoản hao phí nguyên vật liệu mà đơn vị xây lắp bỏ ra để cấu tạo nên thực thể công trình như vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện bê tông, giàn giáo, ván khuôn....

*Chi phí nhân công trực tiếp:* Bao gồm tiền lương, tiền công phải trả cho lao động (gồm cả trong danh sách do doanh nghiệp quản lý lao động thời vụ thuê ngoài).

*Chi phí sử dụng máy thi công:* Bao gồm toàn bộ các khoản chi phí mà đơn vị xây lắp bỏ ra liên quan trực tiếp đến việc sử dụng máy thi công phục vụ cho xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình (máy thi công không phân biệt của đơn vị hay thuê ngoài).

*Chi phí sản xuất chung:* Là những khoản chi phí trực tiếp phục vụ cho sản xuất của đội, công trình xây dựng nhưng không được tính trực tiếp cho từng đối tượng cụ thể. Chi phí sản xuất chung bao gồm: tiền lương của bộ phận quản lý đội, BHXH, BHYT, KPCĐ trích theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên quản lý đội, chi phí mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác như hội họp, tiếp khách.

Phương pháp phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục giúp cho việc quản lý chi phí theo định mức, cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành, lập kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp cho từng đối tượng xây dựng theo các khoản mục giá thành nên phương pháp phân loại chi phí theo khoản mục là phương pháp được sử dụng phổ biến nhất trong doanh nghiệp xây lắp.

Ngoài hai cách phân loại này còn có các phương pháp phân loại chi phí khác như:

- Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và quy mô sản xuất. Theo cách phân loại này chi phí được chia thành: chi phí cố định và chi phí biến đổi.

- Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí thì chi phí sản xuất gồm: chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp. Cách phân loại chi phí sản xuất này có ý nghĩa đối với việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách đúng đắn, hợp lý.

- Phân loại chi phí theo nội dung cấu thành của chi phí, chi phí sản xuất được chia làm hai loại: chi phí đơn nhất và chi phí tổng hợp. Ý nghĩa của cách phân loại này giúp cho việc nhận thức vị trí của từng loại chi phí trong việc hình thành sản xuất để tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất thích hợp với từng loại.

Như vậy, mỗi cách phân loại chi phí sản xuất có ý nghĩa riêng, phục vụ cho từng đối tượng quản lý và từng đối tượng cung cấp thông tin cụ thể, nhưng chúng luôn bổ sung cho nhau nhằm quản lý có hiệu quả về toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong phạm vi từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

### ***1.2.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất***

Trong quá trình sản xuất, các chi phí sản xuất thường được phát sinh ở những điểm, tổ đội, phân xưởng sản xuất khác nhau. Do đó, cần xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn đó. Như vậy, để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở các doanh nghiệp, cần căn cứ vào các yếu tố sau:

Tính chất sản xuất, loại hình sản xuất và đặc điểm của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, đặc điểm tổ chức sản xuất.

Căn cứ vào yêu cầu tính giá thành, yêu cầu quản lý, khả năng trình độ quản lý, trình độ hạch toán của doanh nghiệp...

Đối với doanh nghiệp xây dựng, do các đặc điểm về tổ chức sản xuất và quá trình sản xuất nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định

là từng công trình, hạng mục công trình hay theo từng đơn đặt hàng, từng bộ phận (đội) sản xuất xây lắp.

### **1.3. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

#### **1.3.1. Các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất**

##### 1.3.1.1 Phương pháp tập hợp trực tiếp chi phí sản xuất

Áp dụng phương pháp này đối với những chi phí trực tiếp. Những chi phí trực tiếp là các chi phí liên quan đến một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất. Ta căn cứ vào các chứng từ gốc về chi phí phát sinh để tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng.

##### 1.3.1.2 Phương pháp phân bổ gián tiếp chi phí sản xuất

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng mà không thể tổ chức hạch toán kế toán ban đầu một cách riêng lẻ. Kế toán cần phải lựa chọn tiêu thức để phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí. Yêu cầu đối với tiêu thức là phải xác định được mức độ ảnh hưởng tới các đối tượng một cách rõ rệt. Các tiêu thức thường sử dụng là: chi phí nhân công trực tiếp, số giờ lao động, định mức hao phí... Dựa vào các tiêu thức, quá trình phân bổ được tiến hành theo công thức sau :

$$C_i = T_i / T \times C$$

Trong đó :

$C_i$ : Chi phí phân bổ cho đối tượng  $i$

$C$ : Tổng chi phí tập hợp cần phân bổ

$T_i$ : Tiêu thức phân bổ của đối tượng  $i$

$T$ : Tổng tiêu thức phân bổ

#### **1.3.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và yêu cầu quản lý của mình mà doanh nghiệp lựa chọn 2 phương pháp hạch toán :

- Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.3.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên

Theo chế độ quy định, hạch toán kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đặc biệt là các nghiệp vụ hàng tồn kho đều được phản ánh kịp thời đầy đủ trên các tài khoản có liên quan. Hạch toán kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên cho phép kiểm soát hàng ngày và tại bất kỳ thời điểm nào các hoạt động từ xuất kho và tồn kho vật tư hàng hoá, thành phẩm.

❖ Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp :

- *Nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng :*

Để theo dõi các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK 621 “kế toán nguyên vật liệu trực tiếp”: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí nguyên vật liệu phát sinh liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, lắp đặt (công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc, khối lượng xây lắp có dự toán riêng). Tài khoản được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí (đội thi công, phân xưởng sản xuất...) Các thiết bị đưa vào lắp đặt do chủ đầu tư bàn giao không phản ánh vào tài khoản này mà phản ánh ở TK 002 “Vật tư, hàng hoá giữ hộ”.

*Kết cấu TK 621 như sau :*

*Bên nợ:* Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng cho hoạt động xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ trong kỳ hạch toán kế toán (bao gồm có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).

*Bên có:* Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng không hết được nhập lại kho

Kết chuyển hoặc tính phân bổ trị giá nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” chi tiết cho từng đối tượng để tính giá thành công trình xây lắp, giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ...

TK 621 không có số dư cuối kỳ.

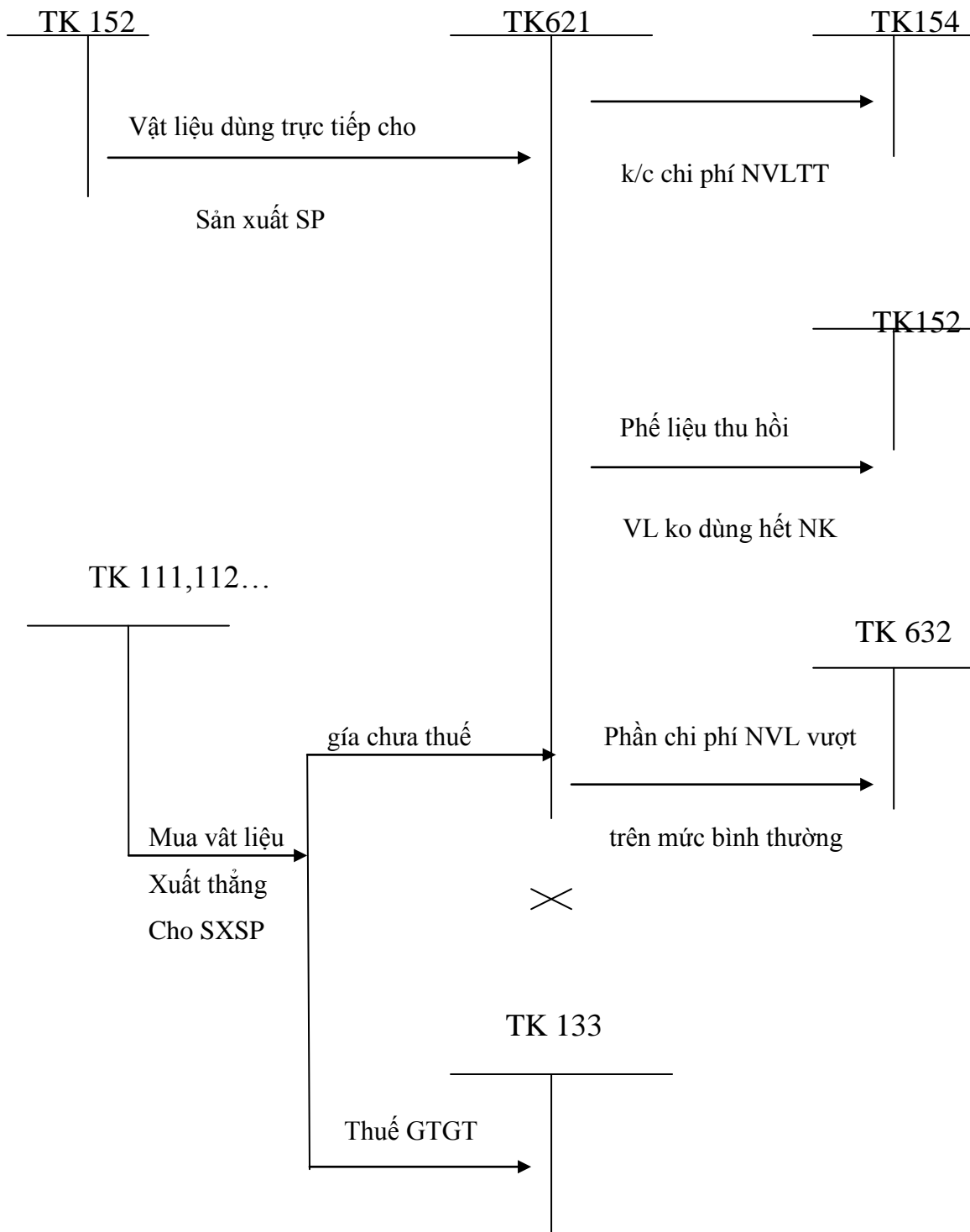
*- Phương pháp hạch toán kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất xây lắp (khoảng từ 70% - 80%) bao gồm toàn bộ vật liệu chính (gạch, cát, xi măng...) vật liệu phụ (đinh, vít, gỗ...) các cấu kiện (bê tông, sắt, thép...) các bộ phận rời lẻ và các vật liệu khác dùng cho việc xây dựng, lắp đặt các công trình trừ vật liệu dùng cho máy thi công.

Giá trị vật liệu nói trên bao gồm giá mua vật liệu, chi phí thu mua vận chuyển đến chân công trình, hao hụt trong định mức của quá trình vận chuyển, bảo quản. Vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình, công trình nào tính trực tiếp cho công trình đó theo giá thực tế đã sử dụng. Trường hợp không tính riêng được thì phải phân bổ cho từng công trình theo tiêu thức hợp lý.

Cuối kỳ hạch toán kế toán hoặc khi công trình đã hoàn thành, tiến hành kiểm kê vật liệu còn lại tại nơi sản xuất (nếu có) để ghi giảm trừ chi phí, vật liệu xây dựng đã tính chi từng công trình.

**Sơ đồ 1.1: Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**



❖ **Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp:**

- Nội dung và kết cấu tài khoản sử dụng :

Chi phí nhân công trực tiếp phản ánh các khoản thù lao lao động (bao gồm các khoản tiền lương cơ bản, các khoản phụ cấp lương, lương phụ có tính

chất ổn định) phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp các công trình, nhân công phục vụ thi công (như công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật tư trong mặt bằng xây lắp và công nhân chuẩn bị thi công và thu dọn hiện trường). Chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, tiền lương công nhân vận chuyển ngoài cự ly.

*Kết cấu của TK 622 :*

*Bên nợ:* Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm (xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ) bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương theo quy định .

Riêng đối với hoạt động xây lắp không bao gồm các khoản trích trên lương về BHXH, BHYT, KPCĐ.

*Bên có:* Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên Nợ TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

TK 622 không có số dư cuối kỳ.

- *Phương pháp hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

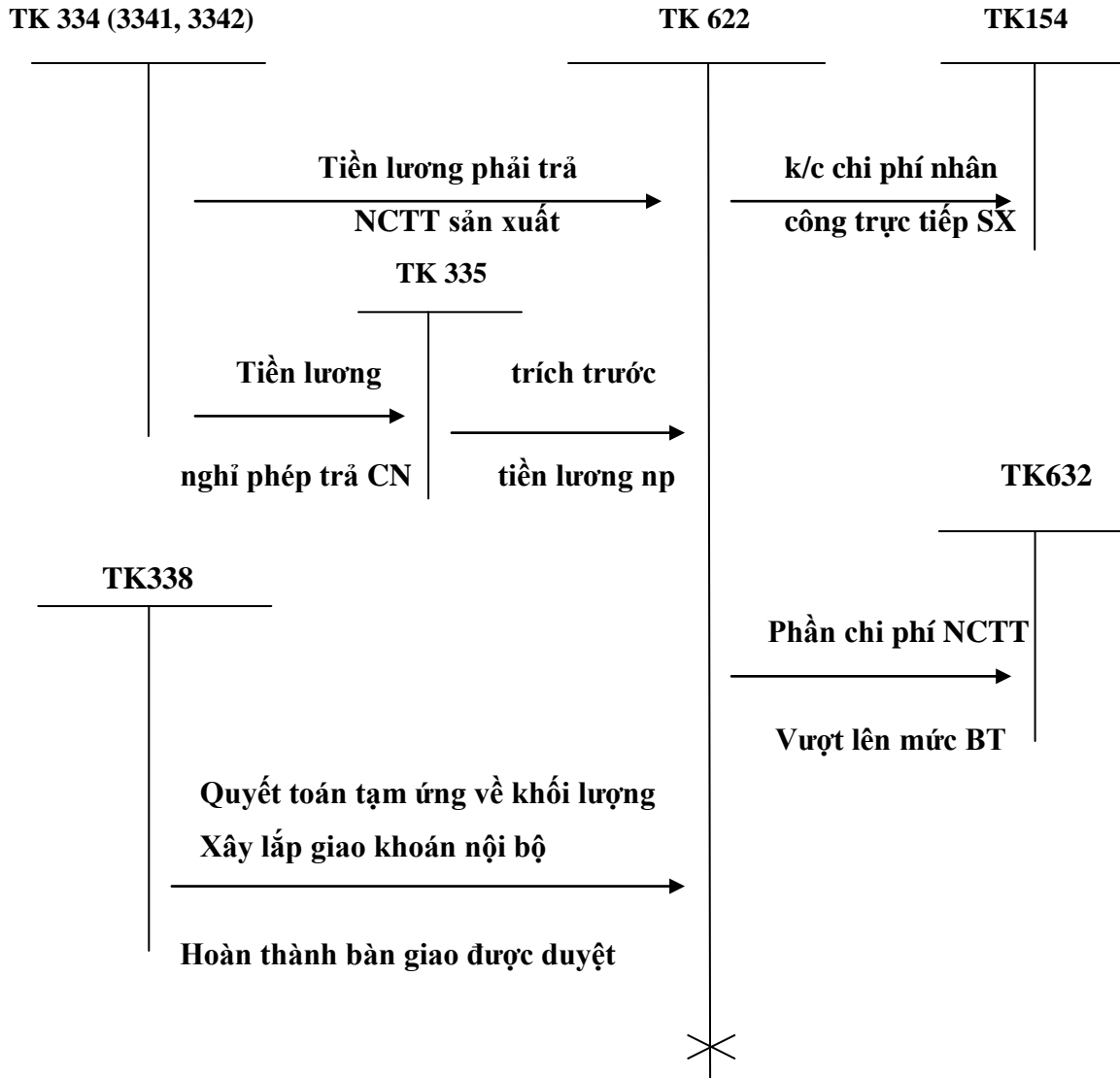
Chi phí nhân công trực tiếp được tính vào giá thành chủ yếu theo phương pháp trực tiếp. Trường hợp chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng hay nhiều công trình thì có thể phân bổ theo tiêu thức: định mức tiền lương của mỗi công trình hay hệ số tỷ lệ với khối lượng xây lắp hoàn thành.

Hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp được tiến hành trên cơ sở “Hợp đồng giao khoán” và “Bảng chấm công” trên các công trường, sau đó chuyển về phòng kế toán làm căn cứ tính lương và vào các tài khoản có liên quan.

Khi hạch toán, TK622 cũng được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình, giai đoạn công việc... Do đặc điểm của ngành xây dựng là sản phẩm xây lắp cố định trong khi nhân công phải điều động, thay đổi số lượng liên tục giữa các công trình, hạng mục công trình nên TK622 chỉ phản ánh được chi phí nhân công theo số công thợ và phân bổ chi phí vào giá thành chứ không thể phân bổ một cách chính xác các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ.



**Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp**



❖ **Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công**

*Nội dung và kết cấu tài khoản sử dụng:*

TK 623 dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp các công trình theo phương thức thi công hỗn hợp (vừa thủ công vừa kết hợp máy). Chi phí sử dụng máy thi công gồm những chi phí về vật tư, lao động, nhiên liệu, động lực... cho máy thi công nhằm thực hiện khối lượng xây lắp bằng máy. Việc hạch toán kế toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công.

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng TK623 mà kế toán phản ánh trực tiếp vào các TK621, TK622, TK627.

Mặt khác, các tài khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính theo tiền lương phải trả công nhân sử dụng máy thi công và tiền ăn ca cũng không hạch toán kế toán vào tài khoản này mà phản ánh trên TK627 “Chi phí sản xuất chung”.

- *Kết cấu của TK 623 như sau :*

*Bên nợ:* Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công thực tế phát sinh.

*Bên có:* Kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình.

TK 623 không có số dư cuối kỳ và được chia thành 6 tài khoản cấp hai để theo dõi:

- TK 6231 : Chi phí nhân công
- TK 6232 : Chi phí vật liệu
- TK 6233 : Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6234 : Chi phí khấu hao máy thi công
- TK 6237 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6238 : Chi phí bằng tiền khác

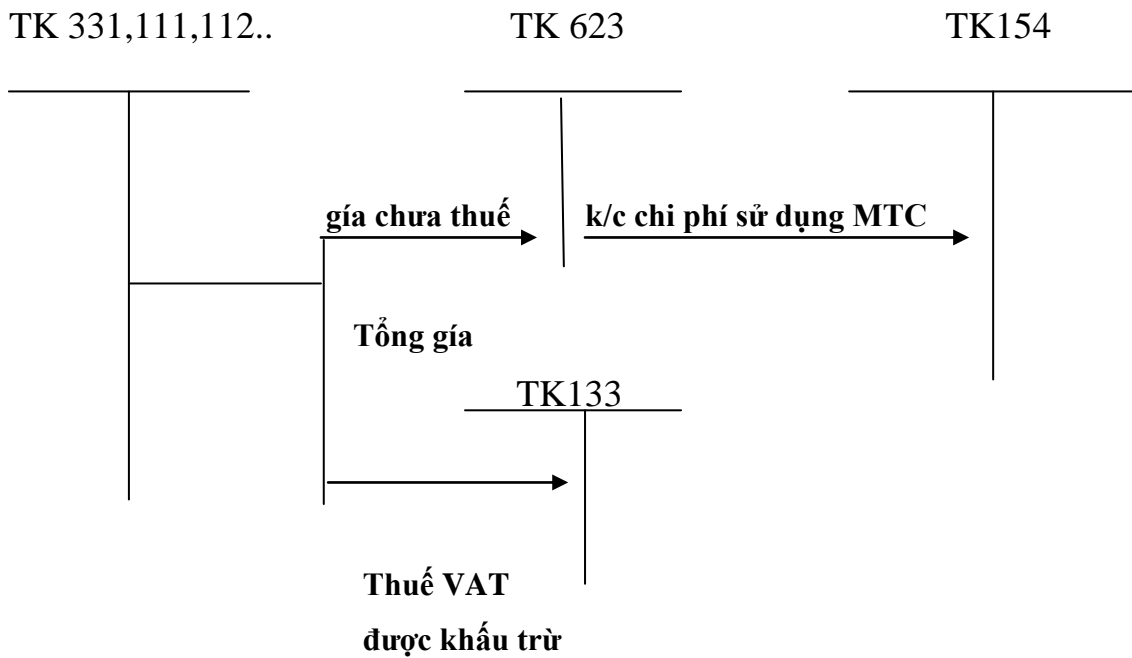
- *Phương pháp hạch toán chi phí sử dụng máy thi công.*

⇒ *Nếu máy thi công thuê ngoài :*

Toàn bộ chi phí máy thi công tập hợp vào TK 623, chi tiết máy thi công.

### Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công

( Trường hợp thuê ca máy )



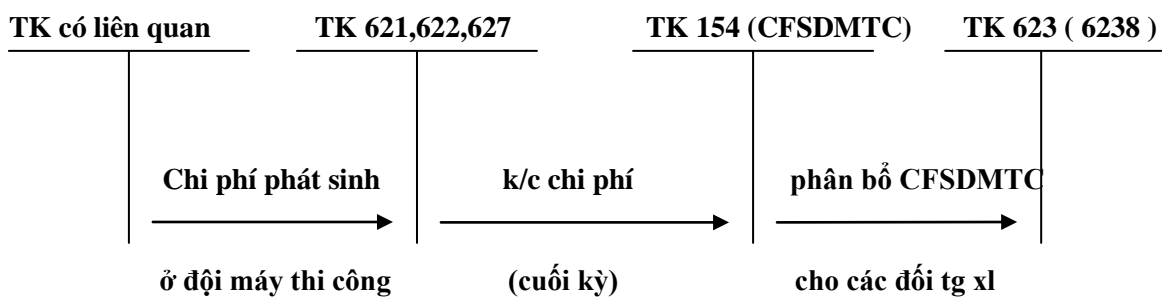
⇒ Trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng.

Toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, TK 622, TK 627. Cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 (chi tiết đội máy thi công) để tính giá thành ca máy. Từ đó xác định giá trị mà đội thi công phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình).

⇒ Nếu doanh nghiệp thực hiện theo phương thức cung cấp lao vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận

### Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công

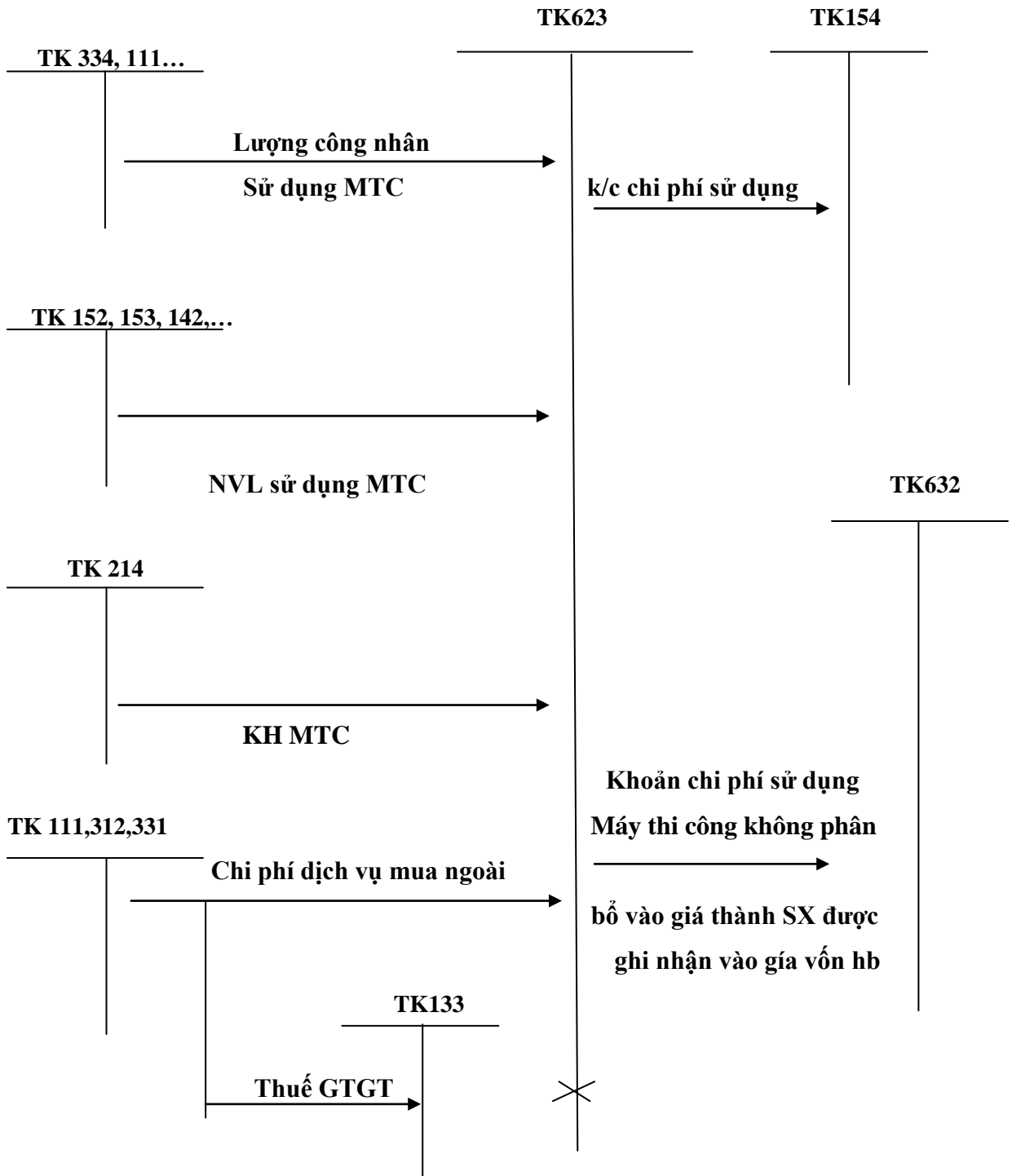
(Trường hợp cung cấp lao vụ máy giữa các bộ phận)



⇒ Trường hợp từng đội xây lắp có máy thi công riêng nhưng không tổ chức hệ thống kế toán riêng.

Trường hợp này các chi phí có liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng, cuối kỳ phân bổ hoặc kết chuyển theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình). Chi phí sử dụng máy thi công sẽ hạch toán kế toán theo sơ đồ:

**Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công.**



❖ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.**

- *Nội dung và kết cấu tài khoản sử dụng :*

Tài khoản 627 dùng để phản ánh những chi phí phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp. Đây là những chi phí phát sinh trong từng bộ phận, từng đội xây lắp ngoài chi phí vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp (kể cả phần trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương phải trả cho toàn bộ công nhân viên từng bộ phận, từng đội xây lắp và toàn bộ tiền ăn ca của đội, bộ phận). TK 627 được mở chi tiết theo từng bộ phận xây lắp (Công ty trực thuộc, đội xây lắp ...) bao gồm:

⇒ Lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả cho công nhân xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công và nhân viên quản lý đội (TK 6271)

⇒ Chi phí vật liệu (TK 6272)

⇒ Chi phí dụng cụ sản xuất (TK 6273)

⇒ Khấu hao TSCĐ, máy thi công và TSCĐ khác dùng chung cho hoạt động của Công ty, đội thi công (TK 6274)

⇒ Chi phí mua ngoài như: tiền điện, nước...(TK 6277)

⇒ Chi phí khác bằng tiền: chi phí hội họp tiếp khách ....(TK 6278)

- *Kết cấu của tài khoản 627 như sau :*

*Bên nợ:* Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

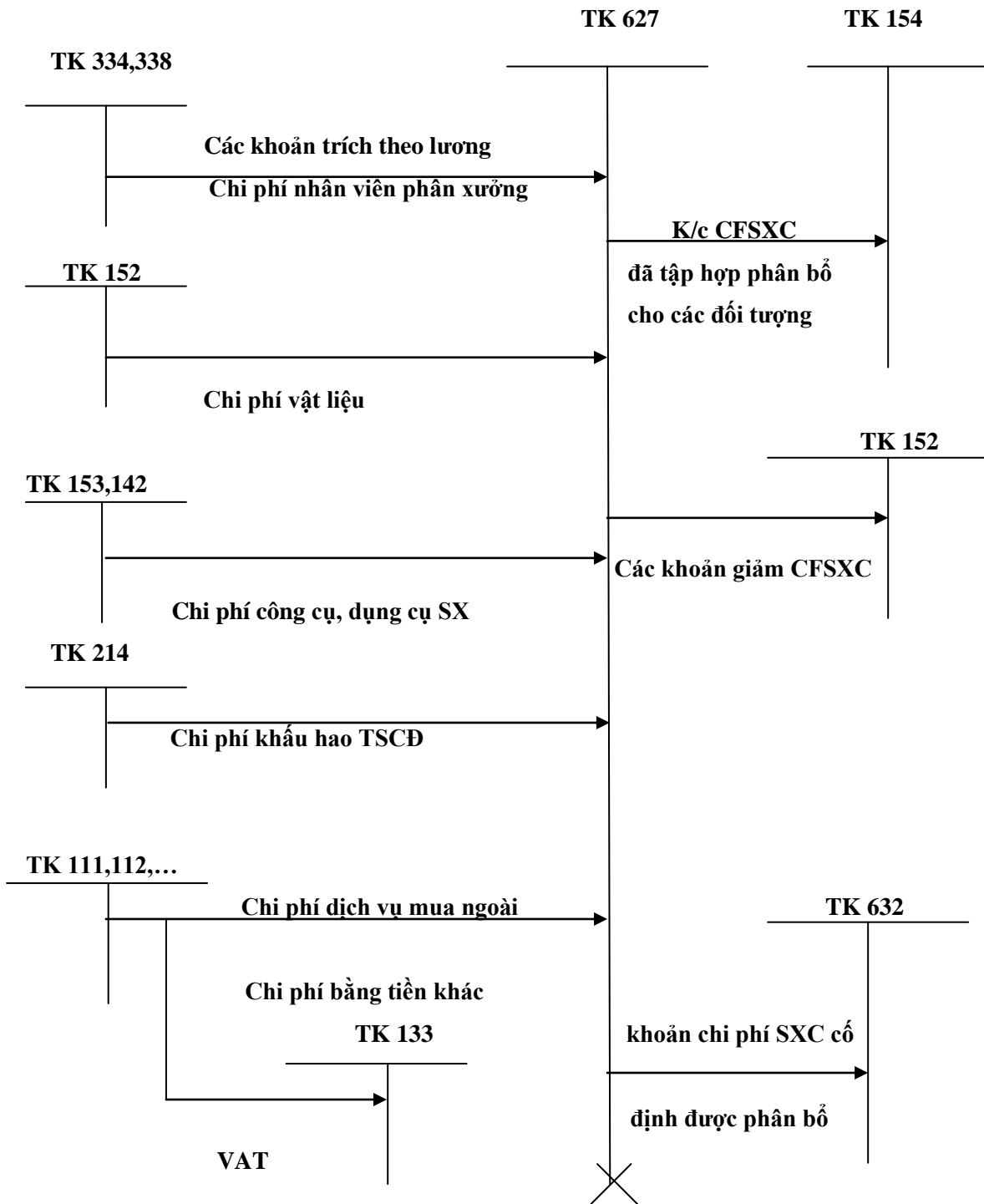
*Bên có:* Các khoản giảm chi phí sản xuất chung

Kết chuyển chi phí sản xuất chung

TK 627 cuối kỳ không có số dư và được mở chi tiết cho từng nội dung chi phí nêu trên.

- *Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất chung*

**Sơ đồ 1.6: Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung:**



❖ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp**

Để tổng hợp chi phí sản xuất, kế toán sử dụng TK 154

*Kết cấu TK 154:*

*Bên nợ:* Tập hợp các chi phí sản xuất trong kỳ (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung)

*Bên có:* Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất xây lắp

Tổng giá thành sản xuất thực tế hay chi phí thực tế của sản phẩm xây lắp đã hoàn thành.

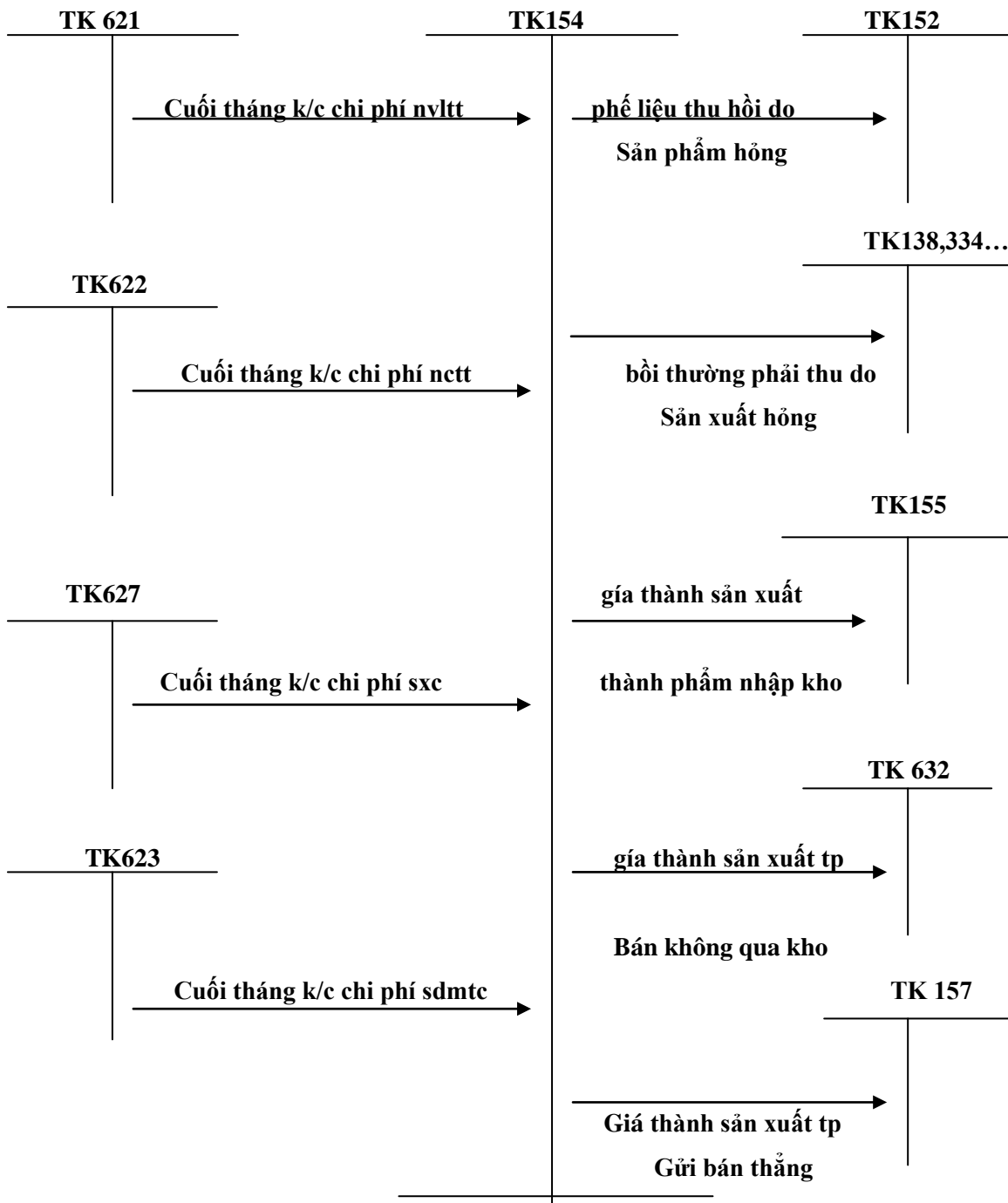
*Dư nợ:* Chi phí thực tế của sản phẩm xây lắp dở dang chưa hoàn thành. Tổng chi phí sản xuất trong xây lắp được tiến hành theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình...) Căn cứ vào đối tượng hạch toán kế toán chi phí sản xuất đã xác định, kế toán tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất theo trình tự sau:

⇒ Căn cứ vào đối tượng hạch toán kế toán đã được mở sổ, thẻ kế toán chi tiết chi phí sản xuất thì chi phí phát sinh trong tháng liên quan đến đối tượng hạch toán kế toán nào thì ghi vào sổ thẻ của đối tượng đó.

⇒ Đối với các chi phí cần phân bổ phải được tập hợp riêng và phân bổ theo từng đối tượng liên quan theo tiêu thức thích hợp.

⇒ Cuối kỳ, tiến hành tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh theo từng đối tượng và toàn bộ doanh nghiệp.

**Sơ đồ 1.7: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp**



Dđk: xxx



### 1.3.2.2 Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Theo phương pháp này, cuối kỳ, chi phí sản xuất tập hợp trên TK 621, TK622, TK623, TK627 không kết chuyển sang TK 154 mà kết chuyển sang TK632 giá thành sản xuất, từ đó tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Đối với doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì cuối kỳ phải tiến hành kiểm kê đánh giá, xác định giá trị vật tư tồn kho cuối kỳ để xác định được trị giá nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ. Khi đó, các tài khoản tồn kho (TK 152,TK 153,TK 154...) chỉ phản ánh giá trị vật liệu, sản phẩm, hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ. Trên các tài khoản này không phản ánh trực tiếp các nghiệp vụ nhập, xuất sản phẩm, vật liệu.

Sau khi kiểm kê xác định được giá trị nguyên vật liệu tồn khi cuối kỳ, kế toán tiến hành tính giá trị vật liệu xuất dùng trong kỳ.

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá NVL} \\ \text{xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá NVL} \\ \text{mua} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá NVL} \\ \text{tồn} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá NVL} \\ \text{mất,} \\ \text{hao hụt} \\ \text{(nếu XD được)} \end{array}$$

### **1.4 Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp**

Sản phẩm làm dở dang trong doanh nghiệp xây dựng có thể là các công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành hay khối lượng công tác xây lắp dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Đánh giá sản phẩm làm dở là việc tính toán, xác định chi phí sản xuất trong kỳ cho khối lượng sản phẩm làm dở dang cuối kỳ theo nguyên tắc nhất định. Để đánh giá sản phẩm làm dở chính xác, trước hết ta phải tổ chức kiểm kê chính xác khối lượng công tác xây lắp hoàn thành trong kỳ và xác định đúng đắn mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm so với khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định được khối lượng công tác xây lắp dở dang, phát hiện được những tồn thất trong quá trình thi công. Chất lượng của công tác kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang ảnh hưởng lớn đến việc đánh giá sản phẩm làm dở và tính giá thành có chính xác hay không.

Việc xác định chính xác mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm xây dựng rất khó do sản phẩm xây dựng có đặc điểm là kết cấu phức tạp. Vì vậy, khi đánh giá khối lượng sản phẩm làm dở, kế toán cần kết hợp chặt chẽ với bộ phận tổ chức lao động để xác định mức độ hoàn thành của khối lượng xây lắp dở dang một cách chính xác. Trên cơ sở kết quả kiểm kê sản phẩm đã được tổng hợp được kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm làm dở dang.

Các doanh nghiệp xây dựng thường áp dụng một trong các phương pháp đánh giá sản phẩm là dở sau:

#### **1.4.1 Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá dự toán:**

Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{KLXL dở dang ĐK} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{KLXL thực hiện trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chi phí của KLXL} \\ \text{hoàn thành bàn giao} \\ \text{trong kỳ theo dự toán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí của KLXL} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{theo dự toán} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{CP của KLXL} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{theo} \\ \text{dự toán} \end{array}$$

#### **1.4.2 Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở dang theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương:**

Việc đánh giá sản phẩm làm dở dang của công tác lắp đặt thường sử dụng chủ yếu phương pháp này. Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng lắp đặt dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{KLXL dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{KLXL thực hiện trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chi phí của KLXL} \\ \text{bàn giao trong kỳ theo} \\ \text{dự toán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí theo dự toán của} \\ \text{KLXL dở dang cuối kỳ đã} \\ \text{tính đổi theo sản} \\ \text{lượng hoàn} \\ \text{thành tương} \\ \text{đương} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí dự toán} \\ \text{KLXL dở dang} \\ \text{cuối kỳ đã tính} \\ \text{đổi theo sản} \\ \text{lượng hoàn} \\ \text{thành tương} \\ \text{đương} \end{array}$$

### **1.4.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán.**

Theo phương pháp pháp này, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Chi phí thực tế của KLXL dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí thực tế của KLXL thực hiện trong kỳ} + \text{Chi phí thực tế của KLXL dở dang đầu kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Giá trị dự toán của KLXL dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị dự của KLXL}$$

Ngoài ra, đối với một số công việc như nâng cấp, sửa chữa, hoàn thiện hoặc xây dựng các công trình nhỏ, thời gian thi công ngắn, theo hợp đồng được bên chủ đầu tư thanh toán toàn bộ thì giá trị sản phẩm làm dở dang cuối kỳ chính là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh từ khi thi công đến thời điểm kiểm kê đánh giá

## **1.5 Giá thành sản phẩm xây lắp và các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp**

### **1.5.1 Giá thành sản phẩm xây lắp và các loại giá thành sản phẩm xây lắp.**

#### **1.5.1.1 Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp**

Trong sản xuất, chi phí chỉ thể hiện sự hao phí. Để đánh giá chất lượng kinh doanh của các tổ chức kinh tế, chi phí phải được xem xét trong mối quan hệ chặt chẽ với kết quả sản xuất, đó cũng là vấn đề cơ bản của quá trình sản xuất. Quan hệ này đã hình thành nên giá thành sản phẩm.

*Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của tổng số các hao phí lao động sống và lao động vật hoá chi ra để tiến hành sản xuất ra một đơn vị khối lượng sản phẩm, dịch vụ, lao vụ hoàn thành.*

Trong xây dựng cơ bản *giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của hao phí về vật liệu, nhân công, sử dụng máy thi công và các phí tổn khác để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp.* Trong đó, sản phẩm xây lắp có thể là kết cấu công việc hoặc giai đoạn công việc có thiết kế và tính dự toán, có thể là công trình hay hạng mục công trình hoàn thành. Về thực chất, chi phí và giá thành là hai mặt khác nhau của quá trình sản xuất. Chi phí sản xuất phản ánh

mặt hao phí sản xuất còn giá thành sản xuất phản ánh mặt kết quả sản xuất. Tất cả những khoản chi phí phát sinh (chi phí trong kỳ, kỳ trước chuyển sang) và các chi phí tính trước có liên quan đến khối lượng xây lắp đã hoàn thành trong kỳ sẽ tạo lên giá thành sản phẩm xây lắp. Nói cách khác, giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp xây lắp bỏ ra bất kể ở kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng xây lắp đã hoàn thành trong kỳ.

Như vậy, trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm những chi phí tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất phải được bồi hoàn để tái sản xuất của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất đưa vào giá thành sản phẩm phải phản ánh được giá trị thực của các tư liệu sản xuất tiêu dùng cho sản xuất và các khoản chi tiêu khác có liên quan tới việc bù đắp gián đơn hao phí lao động sống. Vì vậy, khi tính giá thành sản phẩm không hạch toán kế toán chi phí thời kỳ vào giá thành sản phẩm (chi phí bán hàng, chi phí QLDN...) và các chi phí khác như chi phí bất thường, chi phí tài chính.

Giá thành là một trong các chỉ tiêu kinh tế, chất lượng tổng hợp quan trọng nhất, bao quát mọi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng. Việc áp dụng quy trình công nghệ mới – hiện đại, hoàn thiện kỹ thuật thi công, sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng hợp lý nhân công đều nhằm mục tiêu hạ giá thành đơn vị sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### ***1.5.2 Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.***

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm của ngành xây lắp là những công trình vật, kiến trúc... có giá trị lớn và thời gian sản xuất kéo dài mà mình hình thành nên chỉ tiêu tính giá thành khác nhau. Hiện nay chỉ tiêu tính giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm:

- Căn cứ vào thời điểm tính giá thành thì giá thành sản phẩm xây lắp được chia làm ba loại :

\* *Giá thành dự toán :*

Được xác định theo mức và khung giá để hoàn thành khối lượng xây lắp. Mỗi sản phẩm xây lắp đều có giá dự toán riêng và giá này được sử dụng làm thước đo cho toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm, sản phẩm xây lắp được xây dựng theo giá dự toán do cấp có thẩm quyền duyệt. Đồng thời, thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp rất lâu dài đòi hỏi việc giám sát chất lượng theo thiết kế. Giá dự toán xây lắp trước hết bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước. Giá dự toán xây lắp sau thuế bao gồm giá trị dự toán xây lắp trước thuế và các khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra.

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá dự toán của công trình} - \text{Phần lợi nhuận định mức}$$

\**Giá thành kế hoạch:*

Là chỉ tiêu được xác định dựa trên cơ sở giá thành dự toán gắn với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \text{Mức hạ giá thành} \\ \text{Kế hoạch} & = & \text{Dự toán} & - & \text{Dự toán} \end{array}$$

Với doanh nghiệp không có giá dự toán thì giá thành được xác định trên cơ sở giá thành thực tế năm trước và các định mức kỹ thuật của doanh nghiệp. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là cơ sở đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và hạ giá thành của doanh nghiệp. Mức hạ giá thành dự toán dựa theo điều kiện doanh nghiệp có thể khai thác được nguồn nguyên liệu rẻ. Trong điều kiện đấu thầu thì vị trí của doanh nghiệp thuận lợi cho quá trình thi công và khai thác nguyên vật liệu và nhân công với khả năng hạ giá thành là lớn nhất và sẽ có khả năng thắng thầu lớn nhất.

\* *Giá thành thực tế :*

Là giá thành được xác định thực tế theo số liệu hao phí thực tế liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành bao gồm chi phí định mức, vượt định mức và các chi phí khác.

Để tiện cho việc theo dõi chặt chẽ các chi phí phát sinh, người ta còn phân chia thành giá thành công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Căn cứ vào phạm vi của chỉ tiêu giá thành giá thành sản phẩm xây lắp lại chia ra làm hai loại: giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

\* *Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp :*

Là giá thành chỉ bao gồm những chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng hay lắp đặt sản phẩm xây lắp.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản xuất của} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{xây lắp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nguyên vật} \\ \text{liệu trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nhân công} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{máy thi} \\ \text{công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{chung} \end{array}$$

\**Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ )*

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm xây dựng.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành toàn} \\ \text{bộ sản phẩm} \\ \text{tiêu thụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{xuất của sản} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tiêu thụ} \\ \text{sản phẩm} \end{array}$$

➤ Nếu dựa vào phạm vi tính giá thành có thể phân thành :

\* *Giá thành hoàn chỉnh:* bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến công trình, hạng mục công trình hoàn thành (chi phí bỏ ra từ lúc khởi công đến khi công trình hoàn thành đưa bàn giao cho chủ đầu tư).

\* *Giá thành không hoàn chỉnh:* phản ánh giá thành của một khối lượng công việc xây lắp đạt tới điểm dừng kỹ thuật nhất định, cho phép kiểm tra phát sinh kịp thời để điều chỉnh cho thích hợp ở giai đoạn sau khi phát hiện nguyên nhân gây ra tăng giảm chi phí.

Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng hai chỉ tiêu mà thường được gọi là giá thành nhưng thực chất là giá bán.

\* *Giá thầu xây lắp:* là một loại giá thành dự toán xây lắp do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào đó tính giá thành của mình (còn gọi là giá

thành dự thầu công tác xây lắp). Nếu thấy giá thành của mình thấp hơn giá đấu thầu thì sẽ tăng giá thầu công tác xây lắp công trình. Giá đấu thầu công tác xây lắp do chủ đầu tư đưa ra về nguyên tắc chỉ bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán. Có như vậy, chủ đầu tư mới tiết kiệm được vốn đầu tư và hạ thấp chi phí về lao động.

\* *Giá hợp đồng công tác xây lắp*: là loại giá thành dự toán xây lắp ghi trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp sau khi thoả thuận giao nhận thầu. Đó cũng là giá thành của doanh nghiệp xây lắp thắng trong cuộc đấu thầu và được chủ đầu tư ký trong hợp đồng giao thầu. Về nguyên tắc, giá thành hợp đồng chỉ được nhỏ hơn hoặc bằng giá thầu công tác xây lắp.

Việc áp dụng các loại giá thành sản phẩm xây lắp trên là yếu tố quan trọng của việc hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế trong xây dựng tạo được sự mềm dẻo trong mối quan hệ giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp, sử dụng triệt để quan hệ hàng - tiền. Đồng thời trao lại quyền chủ động trong kinh doanh cho đơn vị xây lắp.

### **1.5.3. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.**

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, lao vụ, công việc do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải tính giá và giá thành đơn vị. Công việc tính giá thành là xác định giá thành thực tế từng loại sản phẩm và toàn bộ sản phẩm đã hoàn thành.

Xác định khối lượng tính giá thành là công việc đầu tiên của toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp và có ý nghĩa quan trọng trong việc tính chính xác giá thành sản phẩm xây lắp. Bộ phận kế toán giá thành phải cân đối, xem xét tổng thể các căn cứ sau để xác định khối lượng tính giá thành phù hợp.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất và đặc điểm quy trình công nghệ.
- Đặc điểm của sản phẩm, đặc điểm sử dụng của sản phẩm
- Dựa vào yêu cầu hạch toán kế toán, hạch toán nội bộ doanh nghiệp và yêu cầu xác định hiệu quả kinh tế của từng loại sản phẩm.
- Khả năng và trình độ quản lý của doanh nghiệp nói chung và khả năng của cán bộ hạch toán nói riêng.

Trong các doanh nghiệp xây dựng, đối tượng tính giá thành thường phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đó có thể là: công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao. Trong trường hợp các doanh nghiệp xây lắp có tổ chức thêm các phân xưởng sản xuất phụ (sản xuất vật liệu...) thì đối tượng tính giá thành là tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm, lao vụ cung cấp.

#### **1.5.4. Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp**

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Xác định kỳ tính giá thành thích hợp sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm được hợp lý, khoa học, đảm bảo cung cấp số liệu về giá thành thực tế của các sản phẩm, lao vụ kịp thời, phát huy được đầy đủ chức năng giám đốc tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm của kế toán.

Để xác định kỳ tính giá thành thích hợp, kế toán phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm và chu kỳ sản xuất sản phẩm. Căn cứ vào đặc điểm riêng của ngành xây dựng cơ bản nên kỳ tính giá thành trong xây dựng cơ bản thường là:

- Đối với các loại sản phẩm mà được sản xuất liên tục cung cấp cho các đối tượng khác nhau liên tục, chu kỳ sản xuất ngắn như: gạch, ngói, vôi, thì kỳ tính giá thành thường là 1 tháng.

- Đối với những sản phẩm, đơn đặt hàng có thời gian sản xuất thi công dài, công việc được coi là hoàn thành khi kết thúc mọi công việc trong đơn đặt hàng thì khi hoàn thành toàn bộ đơn đặt hàng mới tính giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Với những công trình, hạng mục công trình thì kỳ tính giá thành là thời gian mà sản phẩm xây lắp được coi là hoàn thành và được nghiệm thu, bàn giao thanh toán cho chủ đầu tư.

- Đối với những công trình lớn hơn, thời gian thi công dài hơn, chỉ khi nào có một bộ phận công trình hoàn thành có giá trị sử dụng được nghiệm thu, bàn giao thì lúc đó doanh nghiệp tính giá thành thực tế của bộ phận đó.



- Đối với những công trình xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị có thời gian thi công nhiều năm mà không tách ra được từng bộ phận công trình nhỏ đưa vào sử dụng thì từng phần việc xây lắp đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý, theo thiết kế kỹ thuật đã ghi trong hợp đồng thi công sẽ được bàn giao thanh toán thì doanh nghiệp xây lắp tính giá thành thực tế cho khối lượng bàn giao.

- Ngoài ra, với công trình lớn, thời gian thi công dài, phức tạp... thì kỳ tính giá thành của doanh nghiệp có thể được xác định là hàng quý, vào thời điểm cuối năm.

### **1.5.5. Phương pháp tính giá thành**

Là một phương pháp hoặc hệ thống phương pháp sử dụng số liệu từ phần tập hợp chi phí sản xuất và các tài liệu liên quan để tính giá thành sản phẩm, giá thành đơn vị sản phẩm hay lao vụ đã hoàn thành theo đối tượng tính giá đã xác định. Nó mang tính kỹ thuật tính toán thuần túy.

Có nhiều phương pháp được sử dụng để tính giá thành. Tùy theo đặc điểm tập hợp chi phí, quy trình công nghệ sản xuất và đối tượng tính giá thành đã xác định mà sử dụng phương pháp tính giá thành cho phù hợp. Trong doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng các phương pháp sau:

#### 1.5.5.1 Phương pháp tính giá thành trực tiếp

Phương pháp này áp dụng đối với doanh nghiệp có đối tượng tính giá thành phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo thì sẽ tính giá thành theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng } Z \\ \text{sản phẩm} \\ \text{xây lắp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp theo cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế công trình đó.

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành thực tế của} & & \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{công trình} & = & \text{công trình} & * & \text{Tỷ lệ phân bổ} \\ \text{(hạng mục công trình)} & & \text{(hạng mục công trình)} & & \text{Z thực tế} \end{array}$$

#### 1.5.5.2. Phương pháp giá thành theo đơn đặt hàng

Áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp ký với bên giao thầu hợp đồng thi công gồm nhiều công việc khác nhau mà không cần hạch toán kế toán riêng từng công việc. Toàn bộ chi phí thực tế tập hợp cho từng đơn đặt hàng từ lúc khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành đơn đặt hàng đó. Công thức:

$$Z = Di * H$$

Trong đó:

H: Tỷ lệ phân bổ được tính ( $H = C /$

C: Tổng chi phí tập hợp cho toàn đơn vị phải tính vào Z

Di: Giá dự toán hạng mục công trình

#### 1.5.5.3. Phương pháp tổng công chi phí :

Áp dụng cho doanh nghiệp xây lắp những công trình lớn, quá trình xây lắp có thể chia cho nhiều đội thi công khác nhau, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội thi công, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm dở dang.

Giá thành sản phẩm được tính theo công thức:

$$Z = C1 + C2 + \dots + Cn$$

Trong đó: C1, C2 ,..., Cn là CF ở từng đội SX hay từng hạng mục công trình.

#### 1.5.5.4 Phương pháp tính giá thành theo định mức

Mục đích của phương pháp này là kịp thời vạch ra các chi phí sản xuất thoát ly ngoài định mức nhằm tăng cường công tác phân tích kiểm tra các số liệu kế toán và đơn giản hoá thủ tục tính toán. Nội dung của phương pháp cụ thể như sau:

⇒ Căn cứ vào định mức chi phí hiện hành kết hợp với dự toán chi phí được duyệt, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm theo định mức.

⇒ So sánh chi phí thực tế phát sinh cộng với định mức để xác định số chênh lệch. Tập hợp thường xuyên và phân tích các chênh lệch đó để kịp thời đề ra biện pháp khắc phục nhằm hạ giá thành sản phẩm.

⇒ Trên cơ sở tính giá thành định mức, số chênh lệch do thay đổi định mức, số chênh lệch sao với định mức, kế toán tiến hành xác định giá thực tế của sản phẩm xây lắp theo công thức sau :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh} & & \text{Chênh lệch} \\ \text{của sản phẩm} & = & \text{mức của sp} & \pm & \text{lệch} & \pm & \text{do thoát ly} \\ & & \text{xây lắp} & & \text{định mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp. Tuy nhiên, để phương pháp này thực sự phát huy được tác dụng, kế toán cần tổ chức được hệ thống định mức tương đối chính xác và cụ thể, công tác hạch toán kế toán ban đầu cần phải chính xác và chặt chẽ.

Trong thực tiễn, công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây lắp có thể sử dụng kết hợp các phương pháp trên với nhau tùy theo từng đặc điểm và điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần có sự lựa chọn một phương pháp tính giá thành đem lại hiệu quả cao nhất.

Phương pháp hạch toán kế toán chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp là hai hệ thống phương pháp hạch toán kế toán khác nhau. Tuy nhiên, chúng lại chi phối lẫn nhau. Hạch toán kế toán chi phí sản xuất là giai đoạn đầu tiên, là cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm. Khi lựa chọn một phương pháp hạch toán kế toán chi phí nào đó thì nó đã chi phối phần nào cách thức tính toán giá thành tương ứng.

Để tính toán chính xác giá thành sản phẩm xây lắp việc xem xét kỳ tính giá thành là hết sức quan trọng. Việc tính giá thành chỉ được thực hiện ở một kỳ nhất định gọi là kỳ tính giá thành. Kỳ tính giá thành được xác định tùy thuộc vào tính chất sản phẩm, cụ thể:

Đối với các đơn vị đặt hàng, công việc được coi là hoàn thành thì kỳ tính giá thành bắt đầu từ khi sản xuất theo đơn đặt hàng đến khi hoàn thành đơn đặt hàng đó.

Đối với hạng mục công trình xây dựng thì kỳ tính giá thành phụ thuộc vào kỳ thanh toán sản phẩm hoàn thành cho bên giao thầu. Vì vậy, sau khi công trình

hoàn thành được nghiệm thu thanh toán mới tính giá thành thực tế của sản phẩm. Đối với công trình lớn, thời gian thi công kéo dài thì chỉ khi nào một bộ phận công trình hoàn thành, có giá trị sử dụng và được bàn giao thanh toán thì mới tính giá thành thực tế sản phẩm.

### **1.6. Hệ thống sổ sách kế toán sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp xây lắp.**

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải thực hiện các quy định về sổ kế toán trong Luật kế toán, Nghị định số 129 /2004 / NĐ-CP ngày 31/5/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong lĩnh vực kinh doanh, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán và Chế độ kế toán này.

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thay thế Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “Chế độ kế toán doanh nghiệp”.

Do đó ta có các hình thức sổ kế toán như sau:

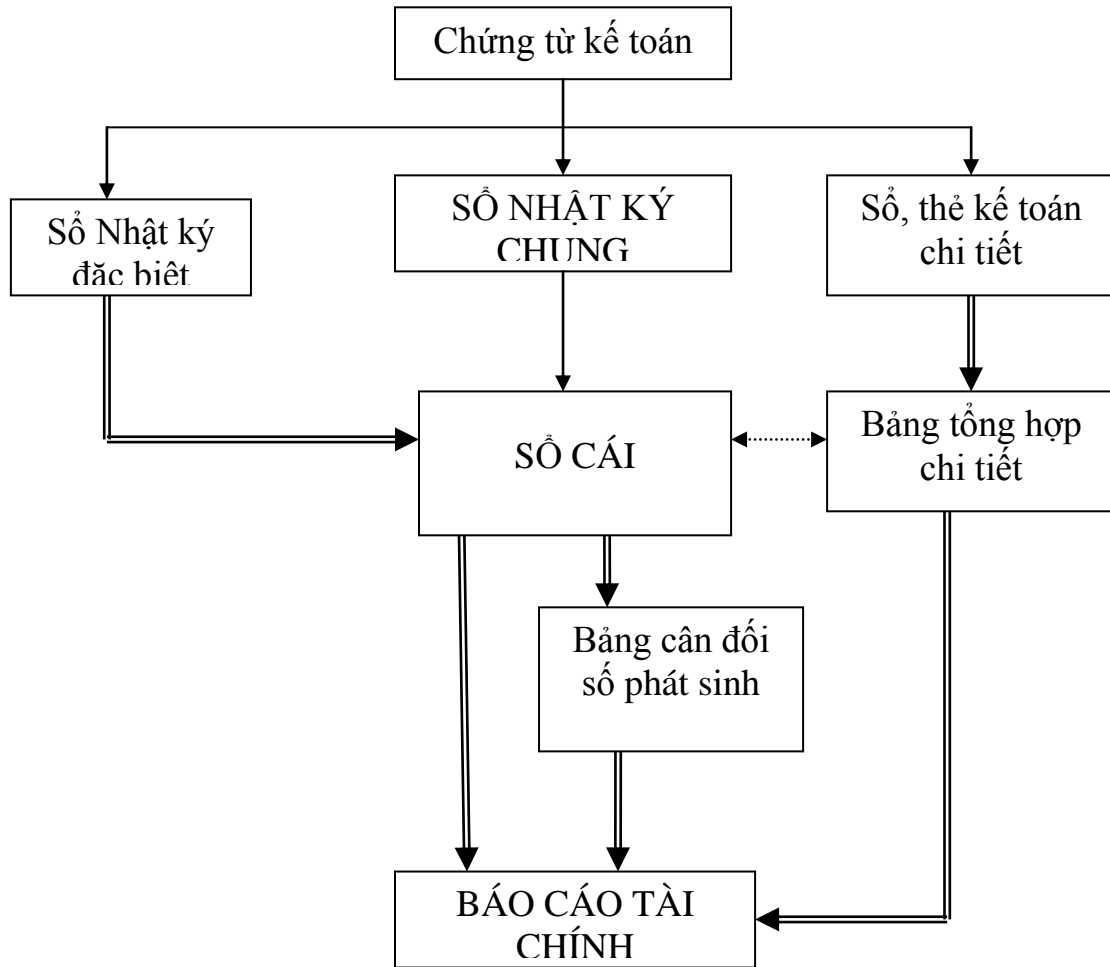
#### **1.6.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

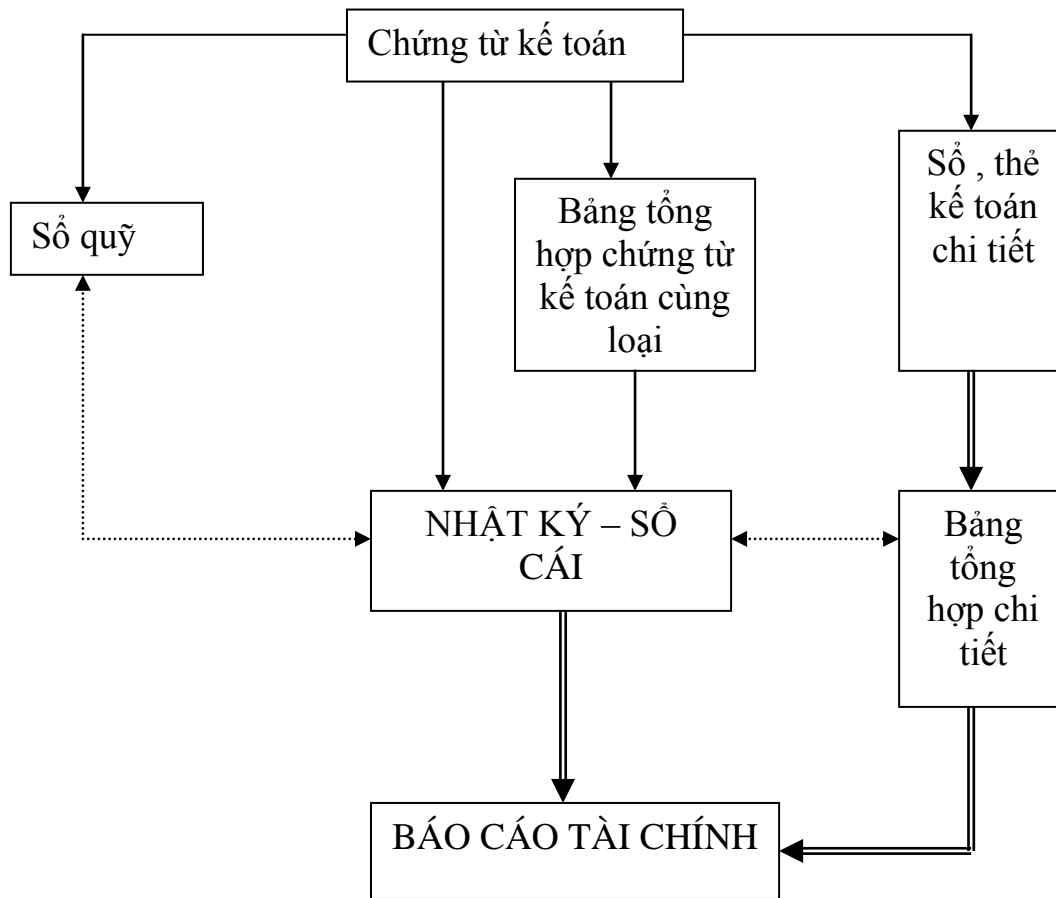
**1.6.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

**1.6.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm.

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

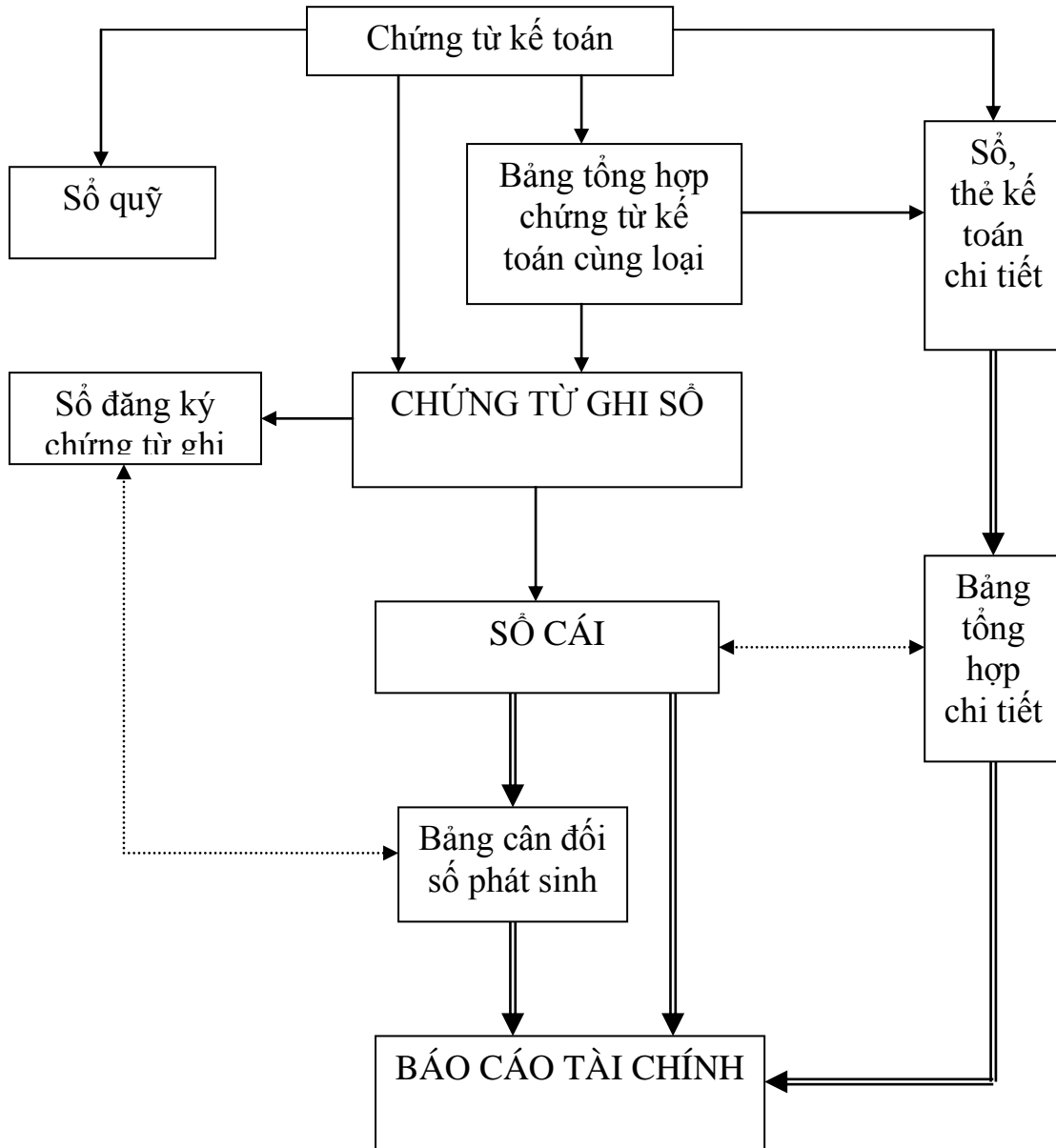
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←-.-> Đối chiếu, kiểm tra

**1.6.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ**

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ



- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

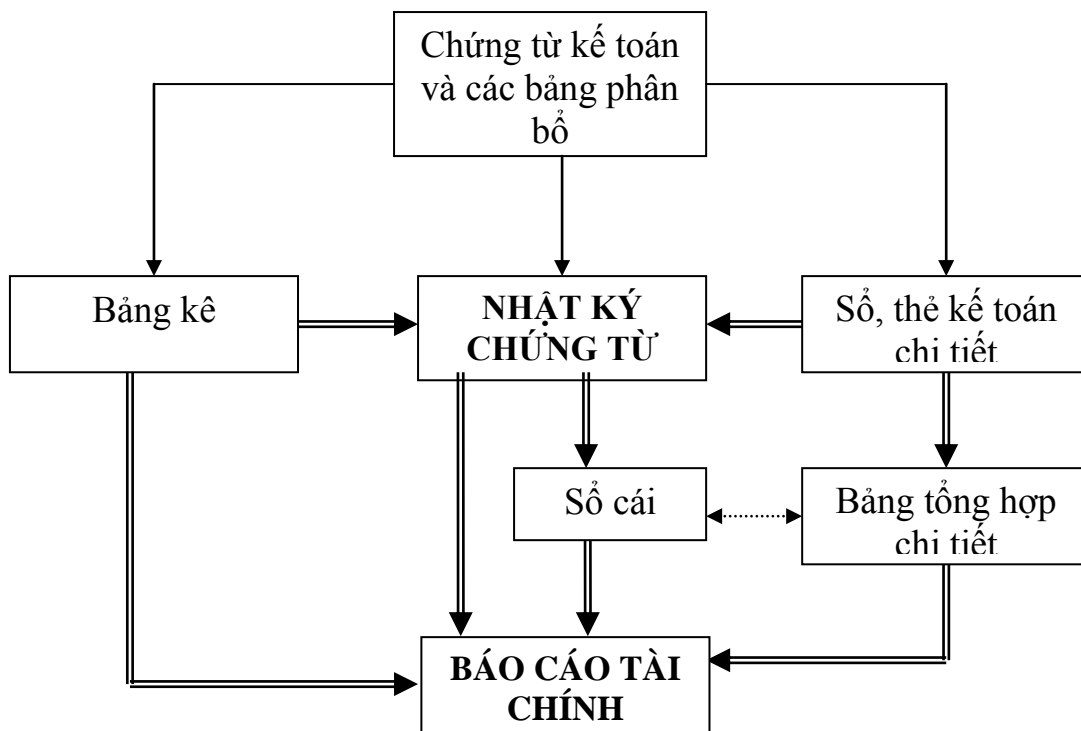
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←-.-> Đối chiếu, kiểm tra

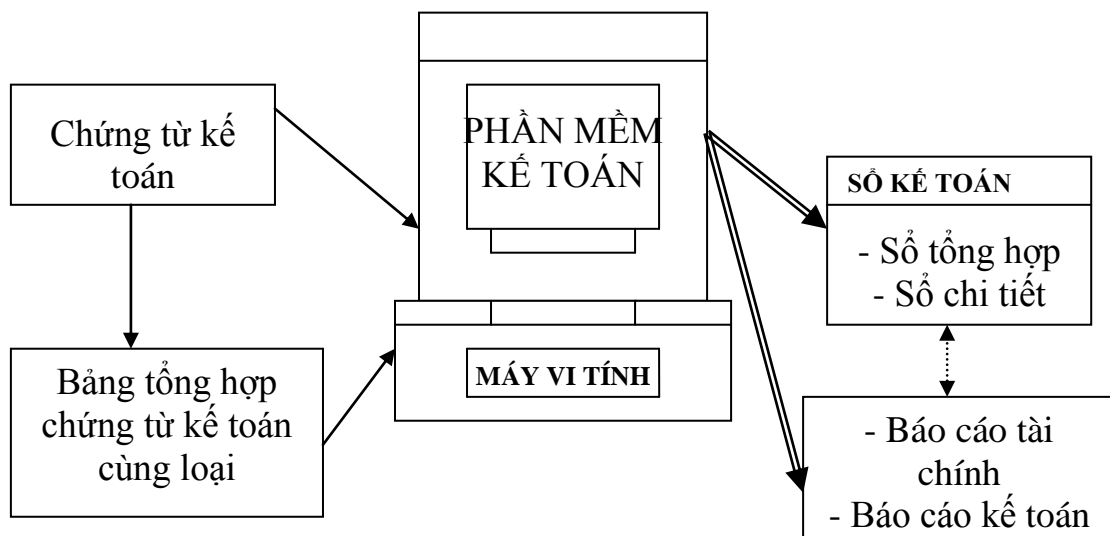
### **1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo. Hình thức kế toán và sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra.

## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN CƯ**

### **2.1 Quá trình hình thành phát triển của công ty TNHH An Cư**

#### **2.1.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH An Cư**

Công ty TNHH An Cư được hình thành từ một cơ sở xây dựng và trang trí nội thất, chủ yếu xây dựng và trang trí nội thất cho các công trình nhỏ lẻ dân dụng. Để trực tiếp nhận và đấu thầu các công trình có qui mô lớn đòi hỏi phải có tư cách pháp nhân chính vì vậy ngày 27 tháng 5 năm 2005 Công ty TNHH An Cư được thành lập, gồm 3 thành viên góp vốn với vốn điều lệ là 4.200.000.000. Công ty có 2 ngành sản xuất chính là xây dựng và thi công lắp đặt đồ gỗ nội thất nhà hàng khách sạn theo các đơn đặt hàng. Trụ sở Công ty là xưởng sản xuất đồ gỗ nằm trên khu đất rộng 6000m<sup>2</sup> tại khu Công Nghiệp Đồng Hoà Kiến An Hải Phòng.

Trải qua 5 năm hình thành và phát triển trong ngành xây dựng và trang trí nội thất Công ty TNHH An Cư có những bước phát triển không ngừng. Doanh thu năm 2007 đạt trên 5,5 tỷ đồng đến năm 2008 đạt 9,4 tỷ đồng và năm 2009 doanh thu đạt 15,2 tỉ đồng. Lao động thường xuyên làm việc tại công ty tăng lên trung bình từ 70 – 100 lao động, chưa kể lao động được thuê theo công việc và thời vụ tại địa phương nơi thi công công trình. Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp thì thu nhập bình quân /người lao động cũng được nâng lên năm 2007 là 2,6 triệu / người / tháng đến năm 2009 là 3,2 triệu / người / tháng. Ngoài sự phát triển của doanh nghiệp, mang lại việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động thì hàng năm Công ty còn đóng góp hàng trăm triệu đồng vào ngân sách nhà nước đem lại lợi ích cho toàn xã hội.

#### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh**

Do sản phẩm của ngành xây dựng cũng như trang trí nội thất là các công trình nên thời gian hoàn thành 1 sản phẩm là tương đối dài có thể tính bằng

năm... công tác thi công sản xuất và quản lý phải thường xuyên liên tục vật tư vật liệu đưa vào công trình có sự biến động trong quá trình thi công xây dựng, mặc dù có sự bình ổn giá xây dựng của Nhà nước nhưng chỉ là những nguyên vật liệu chính. Do đó công tác dự đoán dự báo là rất quan trọng và cần thiết cho những nhà thầu.

Ngoài sản xuất đồ gỗ nội thất sản xuất tại xưởng của công ty thì các công trình xây dựng thi công ở các địa phương khác nên vấn đề chủ động nguồn vật tư, Lao động và quản lý cũng gặp nhiều khó khăn nhất định.

### **2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp**

#### **❖ Thuận lợi:**

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, tay nghề người thợ làm việc cho công ty là cao, đảm bảo hồ sơ kỹ thuật và thi công đúng tiến độ cũng như chất lượng công trình. Hàng năm công ty có kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngày càng đáp ứng trình độ đảm bảo nhận thầu những công trình có qui mô lớn và phức tạp hơn

- Chủ động được nguồn nguyên vật liệu giá rẻ đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường và hạ giá thành công trình.

#### **❖ Khó khăn**

- Khó khăn về vốn trong kinh doanh hầu hết các doanh nghiệp đều gặp phải, song ở công ty đã đầu tư xây dựng nhà xưởng rộng 6000m<sup>2</sup> bao gồm nhà xưởng, kho, nhà văn phòng và máy móc thiết bị giá trị gần 6 tỉ đồng trên đất thuê không có thời hạn nên không được thế chấp vay vốn. Nên khi thiếu vốn doanh nghiệp huy động vốn từ bên ngoài với lãi suất rất cao.

### **2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý**

- Hội đồng thành viên: Hiện tại doanh nghiệp có 3 người trong hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên có quyền quyết định về kế hoạch mang tính chiến lược của Công ty. Hàng năm Hội đồng thành viên tiến hành họp 1 lần thường vào tháng đầu năm để thông qua các báo cáo về tài chính năm trước đồng thời thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo, ngoài ra Hội đồng

thành viên còn tiến hành họp bất thường, đó là khi nhận được những hợp đồng lớn hay khi phải chi dùng số tiền lớn ngoài quyền của giám đốc.

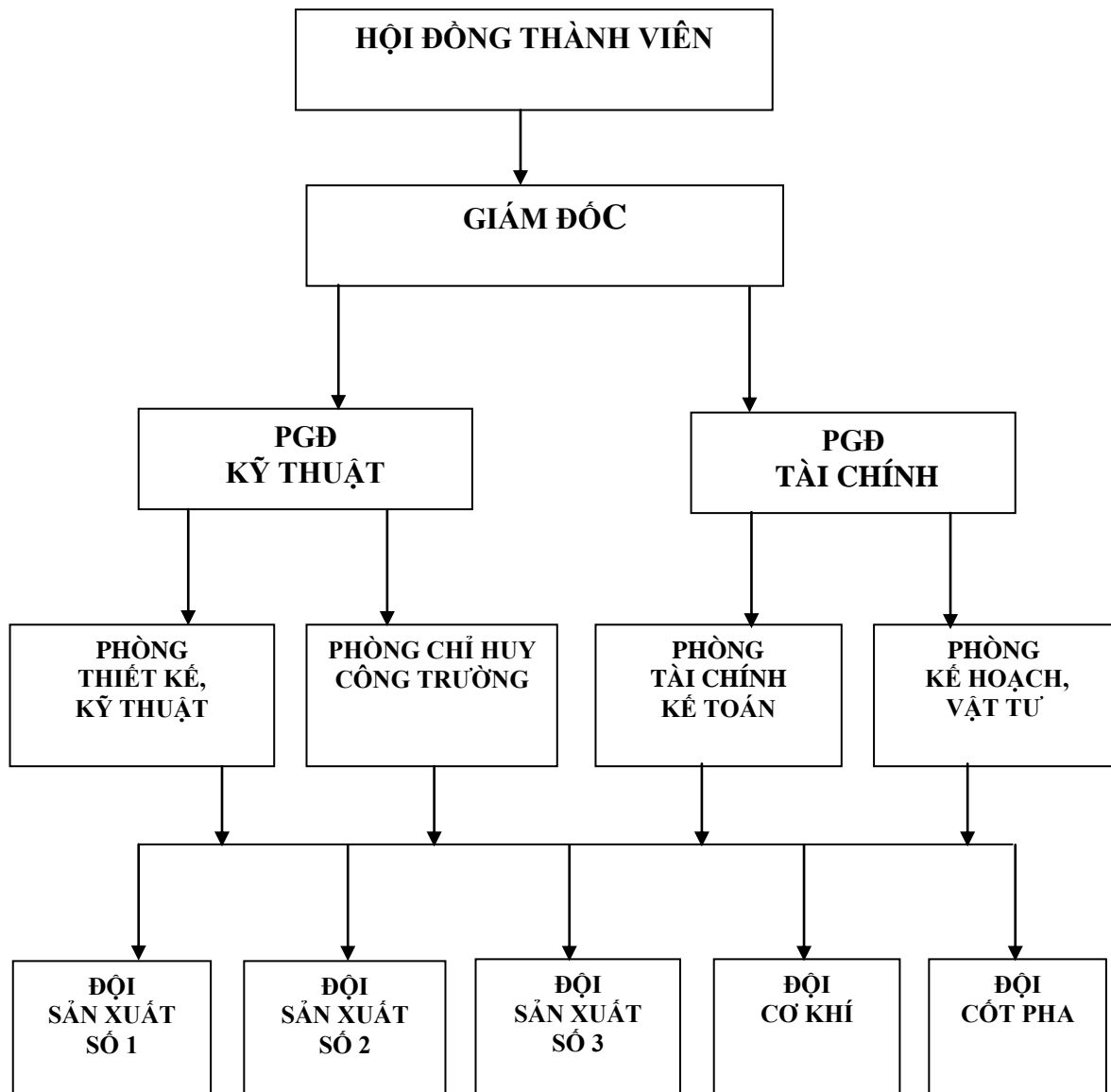
- Giám đốc: Là người trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về mọi mặt của đơn vị.

- Phó giám đốc: dưới giám đốc có 2 phó giám đốc giúp việc cho giám đốc và điều hành công ty khi giám đốc đi công tác hay vắng mặt, một phó giám đốc phụ trách về tài chính, một phó giám đốc phụ trách về kỹ thuật.

- Các phòng ban chức năng: Gồm phòng thiết kế - kỹ thuật, phòng kế toán, phòng chỉ huy công trường, phòng kế hoạch vật tư làm việc dưới sự lãnh đạo của phó giám đốc tài chính và phó giám đốc kỹ thuật.

- Các tổ đội thi công làm việc dưới sự chỉ đạo của các phòng ban chức năng các mặt liên quan, về sản xuất các đội này chủ yếu dưới chỉ đạo của phòng chỉ huy công trường.

### Sơ đồ 2.1. Bộ máy quản lý của công ty



#### 2.1.5. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Do đặc điểm của ngành xây dựng sản phẩm là các công trình nên quy trình sản xuất của công ty có đặc điểm sản xuất liên tục và phức tạp trải qua nhiều giai đoạn khác nhau mỗi công trình phải có dự toán thiết kế riêng và thi công ở các địa điểm khác nhau thường quy trình sản xuất của các công trình sản xuất của các công trình tiến hành theo các công đoạn sau.

##### Chuẩn bị hồ sơ:

- Hồ sơ kỹ thuật bao gồm: Dự toán, bản vẽ thiết kế do bên chủ đầu tư (bên A) cung cấp.

- Dự toán thi công do bên trúng thầu (bên B) tính toán lập ra và được bên A chấp nhận.

- Sau khi lập dự toán thi công được bên A chấp nhận. Bên B sẽ khảo sát mặt bằng công trình.

- Lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động là công việc tiếp theo.

Biện pháp thi công và biện pháp an toàn lao động được lập sao cho công trình thi công nhanh, đúng tiến độ, đảm bảo kỹ thuật chất lượng và an toàn lao động. Mỗi công trình sẽ có biện pháp thi công và biện pháp an toàn lao động cụ thể riêng phù hợp.

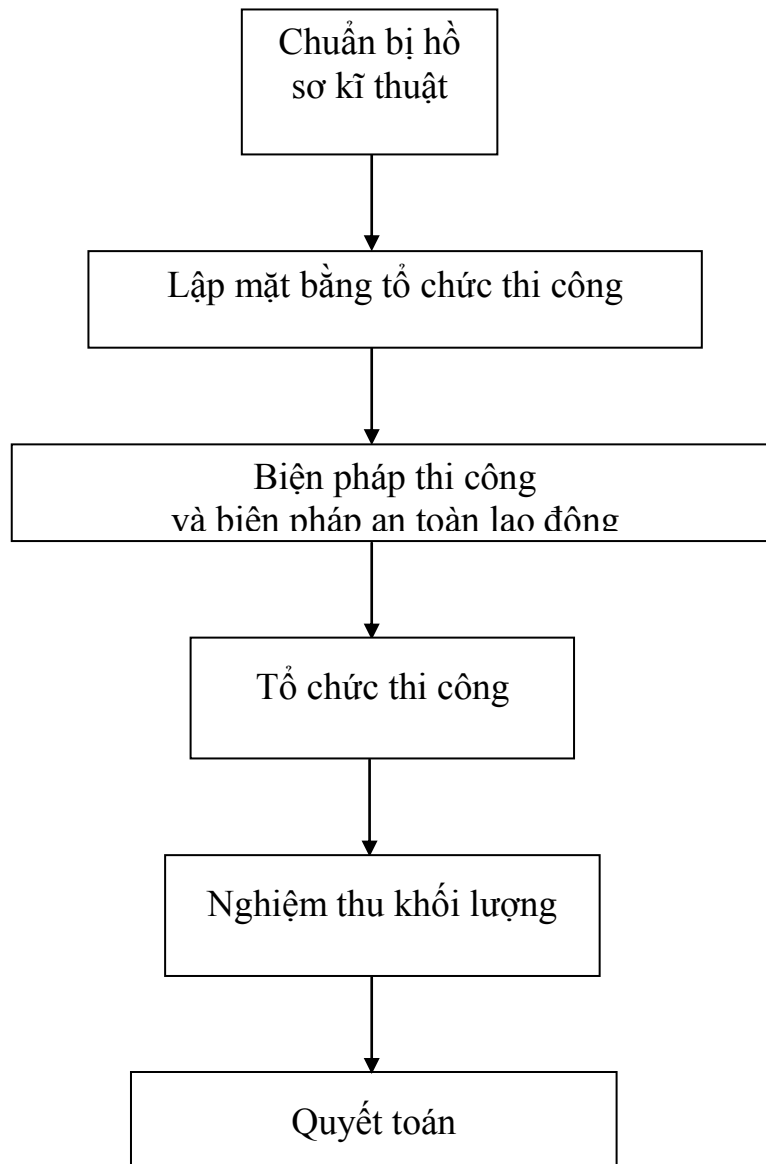
Việc thiết kế mặt bằng, lập biện pháp thi công và biện pháp an toàn lao động chủ yếu thuyết minh bằng bản vẽ còn những phần không thể hiện được trên bản vẽ thì được thuyết minh bằng lời.

- Công tác tổ chức thi công được thể hiện sau khi bên A chấp nhận hồ sơ thiết kế mặt bằng tổ chức thi công, BPTC và BPATLĐ. Quá trình thi công được tổ chức theo các biện pháp đã lập.

- Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành bên A và bên B tiến hành nghiệm thu bao gồm: chủ đầu tư (bên A) và tư vấn (nếu có), đơn vị thi công (bên B) và các thành phần có liên quan.

- Hai bên tiến hành thanh quyết toán công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu bàn giao công trình. Khi quyết toán công trình đã được cấp có thẩm quyền duyệt. Bên A sẽ thanh toán nốt số còn lại cho bên B.

## **Sơ đồ 2.2: Tổ chức hồ sơ tổ chức thi công**



### **2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán**

#### **2.1.6.1. Nhiệm vụ của phòng kế toán**

Hướng dẫn đôn đốc các bộ phận trong công ty, thu nhập đầy đủ kịp thời chính xác chứng từ hoá đơn ban đầu. Phản ánh ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh một cách nhanh nhất, đầy đủ nhất theo đúng quy định của nhà nước.

Xây dựng giám sát xây dựng giám sát việc thực hiện kế hoạch giá thành và giá bán. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính .

Thực hiện lập báo cáo kế toán định kỳ gửi lên giám đốc.

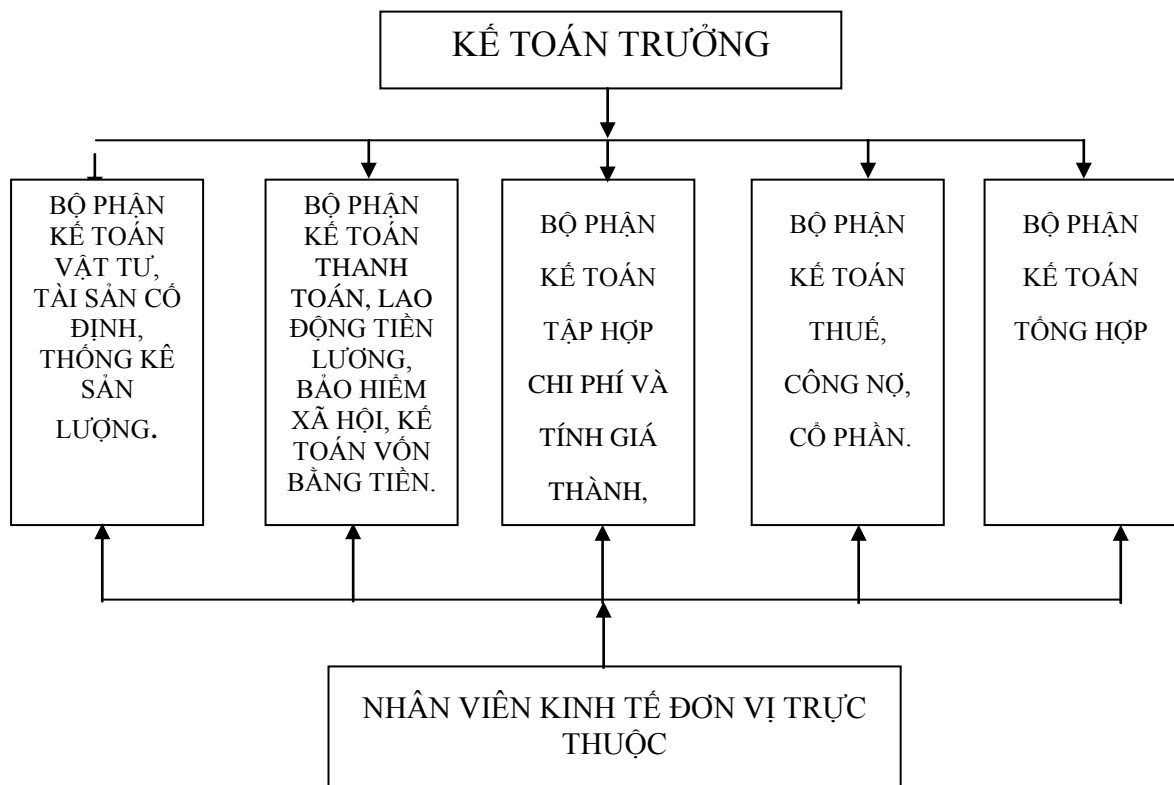


Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán theo quy định hiện hành của Bộ tài chính.

2.1.6.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Theo hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung, toàn bộ công tác kế toán trong công ty đều được tiến hành tập trung tại phòng kế toán, các bộ phận trực thuộc như; đội xây lắp 1, 2, 3, đội cơ khí, đội cốt pha không có bộ phận kế toán riêng mà chỉ có bố trí các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra hạch toán ban đầu, thu thập các chứng từ và chuyển về phòng kế toán tập trung.

**Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán**



- + Bộ phận kế toán vật tư, tài sản cố định, thống kê sản lượng
- + Bộ phận kế toán thanh toán, tiền lương, bảo hiểm xã hội, kế toán vốn bằng tiền
- + Bộ phận kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành, thủ quỹ.
- + Bộ phận kế toán thuế, công nợ.
- + Bộ phận kế toán tổng hợp, phân tích kiểm tra số liệu.

- Kế toán trưởng: giúp việc cho giám đốc thực hiện pháp lệnh kế toán thống kê, điều lệ sản xuất kinh doanh của công ty ... báo cáo tình hình tài chính của công ty cho giám đốc.

- Bộ phận kế toán vật tư, tài sản cố định, thống kê sản lượng có nhiệm vụ: ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản, nhập – xuất – tồn kho vật liệu, công cụ dụng cụ. Ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tăng giảm TSCĐ, tình hình trích khấu hao và phân bổ khấu hao vào quá trình SXKD của công ty, báo cáo thống kê định kỳ.

- Bộ phận kế toán thanh toán, lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, kế toán vốn bằng tiền: có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu, chi tiền mặt, các khoản thanh toán với người bán, tổng hợp số liệu từ các đội gửi lên để phối hợp với các bộ phận khác tính toán lương, phụ cấp cho CBCNV, trích BHXH theo chế độ quy định.

- Bộ phận kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành, thủ quỹ: có nhiệm vụ tập hợp tất cả các chi phí để tính giá thành cho từng công trình và cùng với kế toán vốn bằng tiền tiến hành thu - chi và theo dõi chặt chẽ các khoản thu – chi tiền mặt.

- Bộ phận kế toán thuế, công nợ, cổ phần: Bộ phận này có nhiệm vụ tập hợp các loại thuế để thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, thanh toán các khoản phải trả, thống kê tổng số cổ phần và báo cáo lợi tức của mỗi cổ phần trước đại hội đồng cổ đông.

- Bộ phận kế toán tổng hợp, phân tích kiểm tra số liệu: có nhiệm vụ tổng hợp tất cả các số liệu ở các bộ phận, phân tích kiểm tra và báo cáo với kế toán trưởng .

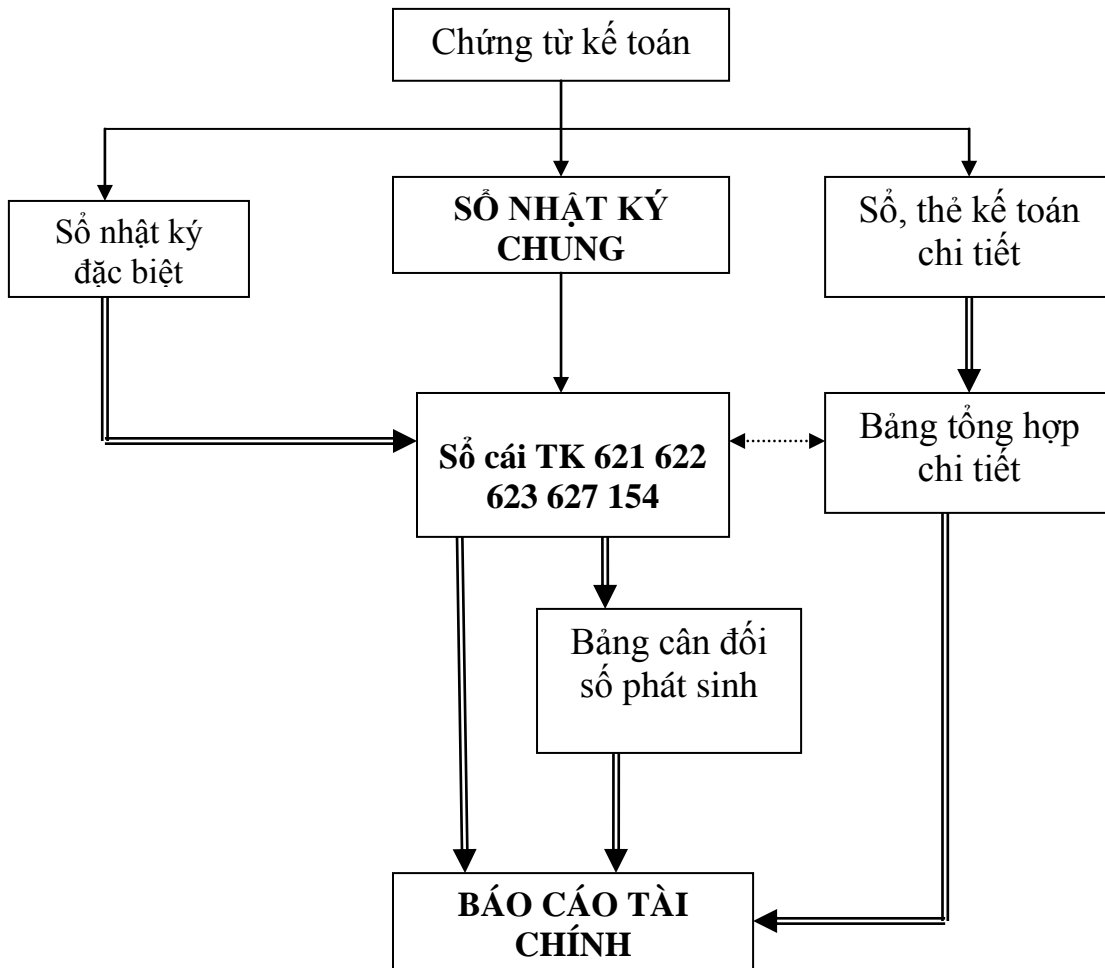
#### 2.1.6.3. Hình thức kế toán: Nhật ký chung

Do đặc điểm hạch toán kế toán của doanh nghiệp là kế toán tập trung nên áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, cách ghi sổ được tóm tắt như sau:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đó được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng

hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...).

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán như sau:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- <-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hiện nay Công ty đang áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế. Các chứng từ kế toán, sổ sách, mẫu biểu về thuế GTGT được lập đầy đủ và luân chuyển theo quy định của nhà nước, cuối tháng kế toán tổng hợp tính thuế.

Cuối năm tổng hợp báo cáo tài chính dựa trên cơ sở số dư trên các tài khoản đã theo dõi, phản ánh được thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn vật tư.

- *Niên độ kế toán của công ty* : Là 1 năm tài chính, sử dụng năm dương lịch làm căn cứ bắt đầu từ 01/01 năm dương lịch và kết thúc là 31/12 năm dương lịch.

- *Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ chủ yếu là*: đồng Việt Nam (VNĐ), ngoài ra doanh nghiệp còn sử dụng cả ngoại tệ là USD được quy đổi theo giá thực tế.

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất tại Công ty**

### **2.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất của Công ty**

#### 2.2.1.1 Đối tượng tập hợp chi phí

Việc xác định đối tượng chi phí sản xuất chính là khâu đầu tiên và cũng là khâu đặc biệt quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Xuất phát từ đặc điểm của ngành là sản xuất các sản phẩm xây dựng cơ bản, do đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các công trình, hạng mục công trình. Mỗi một công trình từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành bàn giao đều được mở riêng những sổ chi tiết để tập hợp chi phí sản xuất phát sinh cho công trình, hạng mục công trình đó.

Chi phí sản xuất ở Công ty được tập hợp theo các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Chi phí nhân công trực tiếp.
- Chi phí sử dụng xe, máy thi công.
- Chi phí sản xuất chung.

Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất ở Công ty là tập hợp chi phí trực tiếp với các chi phí phát sinh rõ ràng sử dụng cho công trình, hạng mục công trình đó, kết hợp với việc phân bổ các chi phí gián tiếp phát sinh không phục vụ trực tiếp cho thi công công trình, hạng mục công trình riêng biệt. Hàng tháng, kế toán tập hợp các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp phát sinh vào các sổ chi tiết chi phí tài khoản 621, 622. Hết

mỗi quý kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy và chi phí sản xuất chung. Cuối mỗi quý dựa trên các bảng phân bổ và tờ kê chi tiết kế toán ghi vào các bảng kê liên quan, đồng thời tổng hợp số liệu và lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất của quý để làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành trong quý, từ đó lập các báo cáo chi phí sản xuất và giá thành mỗi quý.

#### 2.2.1.2 Tài khoản áp dụng

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán kế toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan đến hạng mục hay nhóm công trình nào thì tập hợp cho công trình hay hạng mục công trình đó.

Hạch toán kế toán chi phí sản xuất, kế toán sử dụng tài khoản sau:

- TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”
- TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 623 “Chi phí sử dụng xe, máy thi công”.
- TK 627 “Chi phí sản xuất chung”

#### **2.2.2 Nội dung kế toán chi phí sản xuất**

##### 2.2.2.1 Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Ở công ty chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn khoảng 70% -80% giá thành công trình xây dựng. Do vậy việc hạch toán chính xác và đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định lượng tiêu hao vật chất trong sản xuất thi công và đảm bảo tính chính xác của giá thành công trình xây dựng cơ bản.

Nguyên vật liệu sử dụng ở Công ty rất đa dạng và phong phú nhưng chủ yếu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: Gồm các loại vật liệu xây dựng như: Cát, đá, xi măng, sắt thép, gạch...

- Nguyên vật liệu phụ: Gồm các loại sơn, ve, phụ gia bê tông, dây điện các loại công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ một lần như que hàn, bay, bàn xoa,

dao xây, thước, các thiết bị gắn liền với vật kiến trúc như thiết bị vệ sinh, thông gió, điều hoà.

- Nhiên liệu: Xăng, dầu...
- Trang phục bảo hộ lao động.
- Các cấu kiện, nửa thành phẩm, tấm Panel, tấm đan, tấm tường...

Để kế toán chi phí sản xuất được chính xác, kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Phiếu xuất kho phải ghi cụ thể yêu cầu cần xuất, số thực xuất, đơn giá vật liệu và tổng giá trị xuất. Phiếu xuất kho được làm thành bốn liên giao cho Thủ kho, phòng Kỹ thuật, phòng Tài vụ và bộ phận sử dụng mỗi đơn vị một liên.

Nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp rất ít chủng loại và chiếm tỷ trọng thấp. Doanh nghiệp không tiến hành nhập kho NVL rồi xuất kho NVL khi cần thiết mà chỉ dự trữ 1 lượng nhỏ. Tùy thuộc vào từng CT, HMCT cụ thể mà doanh nghiệp mua NVL sử dụng cho CT HMCT trình đó ngay tại nơi thi công CT, HMCT. Vật tư mua ngoài chủ yếu được chuyển thẳng tới công trường thi công và thuộc trách nhiệm quản lý của đội trưởng và chủ nhiệm CT thi công. Khi đó giá thực tế vật tư xuất dùng được tính bằng giá mua ghi trên hóa đơn, công chi phí thu mua, chi phí vận chuyển theo quy định. Do đó NVL mua ngoài sử dụng ngay không qua kho chiếm một tỷ trọng lớn.

$$\text{Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng} = \text{Giá mua vật tư} \times \text{Chi phí thu mua vận chuyển}$$

Phòng kế hoạch căn cứ vào khối lượng dự toán công trình, căn cứ vào tình hình sử dụng vật tư, quy trình quy phạm về thiết kế kỹ thuật cả thi công công trình, tình hình tổ chức sản xuất... cũng như nhiều yếu tố có liên quan khác để kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng nguyên vật liệu.

Khi các đơn vị thi công CT, HMCT có nhu cầu mức vật tư sử dụng cho thi công nghĩa là vật tư đội tự mua thì người có trách nhiệm đi mua vật tư phải viết giấy xin tạm ứng, có ký duyệt của kế toán trưởng, sau đó lĩnh tạm ứng đi mua vật tư. Khi mua vật tư về được đội trưởng kiểm nghiệm mới được xuất kho

cho thi công công trình, chứng từ dùng để hạch toán là hóa đơn mua hàng, cuối kỳ thì đội trưởng đội thi công phải lên bảng kê nguyên vật liệu do đội tự mua. Còn đối với những vật tư xuất từ kho của công ty thì giá thực tế xuất vật liệu xuất dùng được tính theo phương pháp “thực tế đích danh”.

❖ Ta có trình tự hạch toán chi phí nguyên vật liệu tại công ty như sau:

+ Khi phòng cung ứng vật tư nhận được bản dự trữ vật tư, công ty sẽ tạm ứng cho chủ đầu tư công trình để mua nguyên vật liệu.

Nợ TK 141 “tạm ứng”

Có TK 111,112

+ Khi mua vật tư tới kho bằng tiền tạm ứng kế toán ghi:

Nợ TK 152

Có TK 141

+ Trong kỳ nếu vật tư xuất kho của công ty tới công trình căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi:

Nợ TK 621: Chi phí NVL trực tiếp

Có TK 152:

+ Nếu vật tư không nhập kho mà mua và xuất dùng trực tiếp cho sản xuất xây lắp tại công trình căn cứ vào giá thực tế kế toán ghi:

Nợ TK 621: Chi phí NVL trực tiếp chưa có thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (thuế đầu vào)

Có TK 331,111,112,141: Vật liệu mua ngoài

Có TK 154: Vật liệu tự sản xuất.

Trên các chứng từ xuất, mọi vật liệu xuất dùng phục vụ cho sản xuất cụ thể từng CT, HMCT, từng sự việc và có đầy đủ chữ ký theo quy định.

Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy báo nợ, giấy báo có. Sổ phụ, hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho vật tư được nộp về phòng kế toán. Đội trưởng lập bảng kê, thanh toán vật tư. Căn cứ vào bảng kê thanh toán vật tư kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản 621, sổ chi tiết TK621 và các sổ cái sổ chi tiết có liên quan.

Biểu 2.1:

**Mẫu số: 01 GTKL-3LL  
QS/2009B**

**HOÁ ĐƠN**

0043963

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**Liên 2: Giao khách hàng**

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng : Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Giang

Địa chỉ : 87 lê Thánh Tông – Hải Phòng

Điện thoại: MST: 0200434507

Tên người mua hàng : Vũ Kim Chiếu

Đơn vị : Công ty TNHH An Cư

Địa chỉ : Số 143 đường Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán T/M : MST: 0200638181

TT	Tên hàng	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đá 1*2	m <sup>3</sup>	50	200.000	10.000.000
2	Cát xây, trát	m <sup>3</sup>	50	120.000	6.000.000
3	Cát san lấp	m <sup>3</sup>	100	100.000	10.000.000
	Cộng tiền hàng				26.000.000
	<b>Thuế VAT 5%</b>				<b>1.300.000</b>
	Tổng tiền thanh toán				27.300.000

Số tiền bằng chữ: *Hai bảy triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị



Biểu 2.2:

**Mẫu số: 01-VT**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị: Cty TNHH An Cư

Bộ phận: Kho

## **PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Số: 085

**Nợ TK152:26.000.000**

**Có TK111:26.000.000**

**Họ tên người giao hàng:**

**Kèm theo: Hoá đơn QS/2009B/0043963**

**Nhập tại kho: NVL**

<b>STT</b>	<b>Tên Hàng</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành Tiền</b>
1	Đá 1*2	m <sup>3</sup>	50	200.000	10.000.000
2	Cát xây, trát	m <sup>3</sup>	50	120.000	6.000.000
3	Cát san lấp	m <sup>3</sup>	100	10.000	<b>10.000.000</b>
	cộng				<b>26.000.000</b>

*Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu đồng chẵn.*

Nhập ngày 02 tháng 12 năm 2009

Phụ trách cung tiêu    Người giao hàng    Thủ kho    Kế toán trưởng    Thủ trưởng

**Biểu 2.3:**

<b>CTY TNHH AN CƯ</b>				<b>Mẫu số 02-VT</b> Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC			
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b> Ngày 05 tháng 12 năm 2009 Số : 50							
Nợ TK 621: 9.500.000 Có TK 152: 9.500.000							
Tên người nhận hàng : Lê Văn Đương							
Lý do xuất : Thi công công trình Bệnh Viện Đồ Sơn							
Xuất tại kho : Công ty							
ĐVT: VNĐ							
STT	Tên hàng hoá	M S	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
03/12	Gạch thông A1		viên	5000	5000	1.000	5.000.000
05/12	Xi măng Hải Phòng		tấn	05	05	900.000	4.500.000
	Tổng cộng						<b>9.500.000</b>
<i>Tổng số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu năm trăm đồng chẵn</i>							
Người nhận		Thủ kho		PT kế toán		Giám đốc	
Lê Văn Đương		Nguyễn Đức Thọ		Nguyễn Minh Thắng		Nguyễn Văn Trung	

**Biểu 2.4:**

**Mẫu số S03a-DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**NHẬT KÝ CHUNG**

(Trích quý IV năm 2009)

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK đối ứng	Số phát sinh		
	NT	SH					Nợ	Có	
	A	B							C
			.....			...		...	
05/12	05/12	PX50	Xuất kho vl thi công ctrình BVĐS			621	<b>9.500.000</b>		
						152		<b>9.500.000</b>	
07/12	07/12	PC120	Cước vận chuyển hàng			641	1.815.239		
						111			1.815.239
07/12	07/12	PX60	Xuất kho vl thi công ctrình BVĐS			621	16.421.135		
						152			16.421.135
			.....						
26/12	26/12	PX70	Xuất kho vl thi công ctrình BVĐS			621	19.741.492		
						152			19.741.492
			.....					.....	
			Cộng chuyển sang trang sau						

**Biểu 2.5:**

**Mẫu số S03b - DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Trích Quý IV/2009

Tên tài khoản: Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu TK: 621

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	NT	SH		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			.....	....		....	.....	.....
05/12	05/12	PX50	<i>Xuất kho VL cho Trình Bệnh viện Đồ Sơn</i>			152	<b>9.500.000</b>	
08/12	08/12	PX65	... <i>Xuất kho VL cho Trình Cựu Viên</i>			152	236.526.000	
26/12	15/12	PX70	..... <i>Xuất kho VL cho Trình Bệnh Viện Đồ Sơn</i>			152	19.741.492	
31/12	31/12	PKT 121 125 129	..... <i>Kết chuyển chi phí NVLTT cuối kỳ</i>			154		4.312.796.006
			Số PS trong quý IV				<b>4.312.796.006</b>	<b>4.312.796.006</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người ghi sổ

PT Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.6

## TỜ KÊ CHI TIẾT

Quý IV/2009: Công trình bệnh viện Đồ Sơn

Chứng từ		Ghi nợ TK621, Ghi có TK 152	
Số hiệu	Ngày tháng	TK152	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)
....	....	....	.....
PX50	05/12	9.500.000	9.500.000
PX60	07/12	16.421.135	16.421.135
PX70	26/12	19.741.492	19.741.492
			.....
	.....	.....	
<b>Cộng</b>		<b>681.151.367</b>	<b>681.151.367</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người lập  
Lê Văn Dương

PT Kế Toán  
Nguyễn Minh Thắng

Giám đốc  
Nguyễn Văn Trung

2.2.2.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp :

Chi phí nhân công xây lắp bao gồm các khoản lương chính, phụ cấp và tiền lương thuê lao động phổ thông. Chi phí nhân công được khoán gọn theo từng công trình, theo đội sản xuất với đơn giá khoán khác nhau giữa các công trình, các hạng mục công trình. Theo phương thức này cuối tháng hay khi công trình hoàn tất đội trưởng lập bảng khối lượng đã thi công hoàn thiện có xác nhận của phòng chỉ huy công trường:

\*Phương pháp tập hợp: Công ty áp dụng hình thức trả lương theo khoán sản phẩm cho công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình. Công ty thanh toán tiền lương như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền lương} \\ \text{khoán sản phẩm} \\ \text{trong tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng công việc xây} \\ \text{lắp giao khoán hoàn} \\ \text{thành trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá khoán sản} \\ \text{phẩm của khối lượng} \\ \text{công việc xây lắp} \end{array}$$

Đơn giá nhân công là đơn giá nội bộ Công ty, do Phòng kỹ thuật và Kế hoạch lập trên cơ sở giá quy định của Nhà nước. Ngoài ra đơn giá còn được xác định dựa trên sự biến động của thị trường và điều kiện thi công của công trình cụ thể. Trong mỗi công trình đội xây dựng lại được chia thành nhiều tổ, mỗi tổ lại thực hiện một số bước công việc nhất định. Tổ trưởng chịu trách nhiệm về quản lý lao động đảm bảo đúng tiến độ cũng như theo dõi tình hình lao động của từng công nhân để từ đó căn cứ cho việc thanh toán sau này.

Với những công việc không tính được ra khối lượng và đơn giá cụ thể thì tiến hành giao khoán gọn cho từng tổ, quá trình nghiệm thu, bàn giao cũng tương tự như trường hợp giao khoán theo khối lượng công việc hoàn thành.

Cuối quý căn cứ vào khối lượng công việc giao khoán hoàn thành trong tháng và đơn giá khoán sản phẩm của khối lượng công việc xây lắp kế toán ở các tổ tiến hành lập Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (BHXH) thông qua bảng thanh toán lương của tổ, đội của mình.

Số liệu tổng hợp trên Bảng phân bổ tiền lương và BHXH là căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ NKC ghi vào Sổ cái TK 622 cho từng công trình.

Biểu 2.7

## **BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH**

Tháng 12 năm 2009

Công trình : Bệnh viện Đồ Sơn

Đội thi công : Đội 1

TT	Nội dung công tác	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Xây tường thẳng mặt A-A tầng 6	m3	70	
2	Đổ bê tông đá 1*2 cột tầng 7-8	m3	80	
3	Trát tường vữa mác 50 dày 20	m3	30	

Ngày 2 tháng 12 năm 2009

P.Giám đốc kỹ thuật

Chỉ huy công trường

Đội trưởng

Căn cứ đơn giá khoán từng phần việc kế toán áp giá và lập bảng thanh toán lương cho từng đội.

Để đảm bảo được công tác quản lý công nhân trực tiếp sản xuất, căn cứ vào tay nghề và kinh nghiệm bậc thợ cao nhất được quy định là 10 điểm, bậc thợ phụ là 5 điểm cho 1 ngày công làm việc, từ đó tính được tổng số điểm của cả đội, tính và trả lương đến tay từng công nhân qua bảng chia lương.

**Biểu 2.8**

Công ty TNHH An Cư

Đội thi công số 1

Công trình : Bệnh Viện Đồ Sơn

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 12 năm 2009

TT	Họ và tên	Bậc điểm	Ngày trong tháng					Cộng
			1	2	...	...	28	
1	Phạm Đức Chính	10	+					25
2	Nguyễn Văn Thành	9	+					24
3	Nguyễn Văn Hoàn	9	+					22
...								
...	.....							
...								
...	.....							
21	Phan Đình Tùng	6	+					24
22	Lê Văn Thanh	7	+					23
	Cộng							560

Tổ trưởng

CB chấm công



Dưới đây là bảng chia lương tháng 12/2009 của đội sản xuất số 1 :

Biểu 2.9

## **BẢNG CHIA LƯƠNG**

Đội sản xuất số 1

Tháng 12 năm 2009

Tiền nhân công công trình Bệnh Viện Đồ Sơn: 48.493.242 đồng

TT	Họ tên	Ngày công	Điểm /	Tổng điểm	Tiền công	Thành Tiền
1	Phạm Đức Chính	25	10	250	12.069	3.017.250
2	Nguyễn Văn	24	9	216	12.069	2.606.904
...	.....			.....	....	.....
22	Lê Văn Thanh	23	7	161	12.069	1.943.104
	Cộng				12.069	48.493.242

### *Lao động thuê ngoài:*

Bên cạnh việc sử dụng công nhân của công ty, công ty còn tiến hành sử dụng lao động thuê ngoài. Do đặc điểm thi công công trình của công ty ở các tỉnh lân cận. Vì vậy, điều kiện di chuyển các yếu tố sản xuất hết sức phức tạp. Để khắc phục khó khăn này, công ty tiến hành thuê lao động ngay tại địa phương có các công trình. Công việc này sẽ làm giảm chi phí di chuyển lao động, hạn chế những khó khăn về sinh hoạt của công nhân. Tuy nhiên, một số bất cập nảy sinh về mặt chất lượng và giá cả lao động do lao động tại địa phương chủ yếu mang tính tự phát không qua các khoá đào tạo nghiệp vụ chính quy. Đối với những lực lượng này, công ty giao cho các đội trưởng đội xây lắp quản lý, trả lương theo hình thức khoán ngoài trên cơ sở định mức khoán của từng phần việc.

Chúng tôi đề hạch toán với công nhân thuê ngoài là hợp đồng thuê lao động và giấy thanh toán tiền thuê lao động. Dưới đây là Hợp đồng thuê lao động bên ngoài thi công công trình Bệnh Viện Đồ Sơn:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc*

-----\*&\*-----

**HỢP ĐỒNG THUÊ LAO ĐỘNG**

1 - Đại diện bên thuê:

- Ông : Nguyễn Đình Bắc - Chức vụ: Đội trưởng đội xây lắp 1
- Địa chỉ: Công ty TNHH An Cư

2 - Đại diện bên lao động:

- Ông : Tăng Văn Tôn
- Địa chỉ: Lam Sơn – Kiến An – Hải Phòng

3 - Nội dung công việc:

- + Vận chuyển đất móng thừa cách 200m
- + Tạo mặt phẳng, độ nún K=1,5

Đơn giá nhân công: 80.000 đồng / 1 người / 1 ngày công

Số người thuê: 05 người

Thời gian thuê: Từ 02/10/2009 đến 15/11/2009

Hai bên cùng nhau thoả thuận

Sau khi hoàn thành 70% khối lượng công việc sẽ thanh toán 50% số tiền, số còn lại khi hoàn thành sẽ thanh toán hết 100%.

*Hải phòng, ngày 01/12/2009*

NGƯỜI LAO ĐỘNG

NGƯỜI THUÊ LAO ĐỘNG

Biểu 2.10

**BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH BHXH**

(Trích Quý IV)

STT	TK ghi Có TK ghi Nợ	TK 334- Phải trả người lao động				TK 338- Phải trả phải nộp khác			Tổng cộng
		Lương chính	Các khoản khác	Cộng Có TK 334	KPCĐ	BHXH	BHYT	Cộng Có TK 338	
I	<b>CF NCT</b>	1.254.482.300		1.254.482.300	25.089.646	188.172.345	25.089.646	238.351.637	1.492.833.937
	1.Công trình Bệnh Viện Đồ Sơn	84.290.300		84.290.300	1.685.806	12.643.545	1.685.806	16.015.157	100.305.457
II	2.Công trình Nhà trẻ Cựu Viên	46.527.000		46.527.000	930.540	6.979.050	930.540	8.840.130	55.367.130
	<b>CF MTC</b>	.....		.....	.....	.....	.....	.....	.....
	.....	.....		.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>	<b>1.608.190.980</b>		<b>1.608.190.980</b>	<b>32.163.819</b>	<b>241.228.647</b>	<b>32.163.819</b>	<b>305.556.286</b>	<b>1.913.747.266</b>

**Biểu 2.11**

Mẫu số S38-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622**

Trích Quý IV/2009

Tên tài khoản: Chi phí Nhân công trực tiếp

Tên công trình: Bệnh Viện Đồ Sơn

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền	
	NT	SH			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			.....	.....	.....	.....
31/10	31/10	BPBL T10	<i>Lương công nhân T10</i>	334	17.773.489	
			<i>Các khoản trích tính vào CF</i>	338	3.376.962,91	
30/11	30/11	BPBL T11	<i>Lương công nhân T11</i>	334	18.023.569	
			<i>Các khoản trích tính vào CF</i>	338	3.424.478,11	
31/12	31/12	BPBL T12	<i>Lương công nhân T12</i>	334	<b>48.493.242</b>	
			<i>Các khoản trích tính vào CF</i>	338	<b>9.213.715,98</b>	
31/12	31/12	PKT 122	<i>KC chi phí NCTT cuối kỳ</i>			100.305.457
			<b>Tổng cộng</b>		<b>100.305.457</b>	<b>100.305.457</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người ghi sổ

PT Kế toán

Giám đốc

**Biểu 2.12**

Mẫu số S03b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Trích Quý IV/2009

Tên tài khoản: Chi phí Nhân công trực tiếp

Số hiệu TK: 622

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	NT	SH		Tran g	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			.....	.....		.....	.....	.....
31/12	31/12	BP BL	Lương công nhân ctrình Điện Ngủ Phúc			334 338	37.500.000 7.125.000	
31/12	31/12	BP BL	Lương công nhân ctrình Bệnh Viện Đồ Sơn			334 338	<b>84.290.300</b> <b>16.015.169</b>	
31/12	31/12	BP BL	Lương công nhân ctrình Nhà trẻ Cựu Viên			334 338	46.527.000 8.840.130	
31/12	31/12	PKT 122 126 130	KC chi phí NCTT cuối kỳ					<b>1.492.833.937</b>
			<b>Cộng PS trong quý IV</b>				<b>1.492.833.937</b>	<b>1.492.833.937</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người ghi sổ

PT Kế toán

Giám đốc

### 2.2.2.3 Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công

Trong doanh nghiệp xây lắp, khối lượng công việc diễn ra với quy mô lớn, cường độ cao. Việc sử dụng máy cho quá trình thi công là một yếu tố quan trọng giúp công ty tăng năng xuất lao động, đẩy nhanh tiến độ thi công, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng công trình.

Hiện nay, Công ty đã trang bị nhiều máy móc và hiện đại phục vụ cho thi công. Máy thi công bao gồm: Máy đầm, máy Lu...Ngoài ra, để thuận tiện cho việc sử dụng máy thi công đối với những công trình ở xa hoặc cần máy móc có giá trị lớn, chủ công trình sẽ đi thuê ngoài.

- Đối với máy thi công của công ty

Để nâng cao chất lượng quản lý tạo quyền chủ động cho các đội, Công ty giao máy thi công cho các đội tùy theo chức năng quản lý của đội đó, việc điều hành máy và theo dõi sự hoạt động sản xuất của chúng được đặt dưới sự điều khiển trực tiếp của các đội và có sự giám sát chặt chẽ của lãnh đạo công ty. Máy thi công sử dụng cho công trình nào thì được hạch toán trực tiếp vào công trình đó, trường hợp máy sử dụng cho nhiều công trình nào thì được kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức chi phí trực tiếp. Việc theo dõi máy thi công của đội thông qua chứng từ: lệnh điều động xe máy và thống kê máy. Định kỳ cuối tháng hoặc cuối quý các chứng từ này sẽ được chuyển về phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ và phân bổ cho từng đối tượng sử dụng.

- Đối với máy thi công thuê ngoài:

Trong trường hợp Công ty không có loại máy phục vụ cho đội thi công, đội trưởng sẽ chủ động thuê máy ngoài công ty. Thông thường phương thức thuê là thuê đồng bộ, bao gồm cả công nhân vận hành máy, các chi phí thuê máy. Chứng từ về thuê máy thường là Hợp đồng thuê máy hoặc hoá đơn (GTGT). Theo phương thức này trong hợp đồng thuê máy hoặc hoá đơn thuê máy phải xác định rõ khối lượng công việc và tổng số tiền bên thuê phải trả.

Cuối tháng (quý), căn cứ vào chứng từ thuê máy phát sinh, bản thanh lý hợp đồng thuê máy, biên bản xác nhận khối lượng thuê máy thi công do đội trưởng gửi lên, kế toán hạch toán vào khoản mục chi phí máy thi công.

Để hạch toán khoản mục chi phí sử dụng máy thi công, kế toán sử dụng TK 623- chi phí sử dụng máy thi công. Tài khoản này được chi tiết thành 6 tài khoản cấp hai.

- TK 6231 – Chi phí nhân viên điều khiển máy
- TK 6232 – Chi phí nhiên liệu
- TK 6233 – Chi phí công cụ
- TK 6234 – Chi phí khấu hao máy thi công.
- TK 6237 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

**\* Chi phí nhân công sử dụng máy thi công.**

- Là khoản tiền lương cho nhân viên sử dụng máy thi công
- Tài khoản sử dụng: TK 6231 – Chi phí nhân công sử dụng máy thi công
- Phương pháp tập hợp: Hàng tháng căn cứ vào Lệnh điều động xe, máy và ca xe phục vụ để tính lương cho tổ lái xe, được tập hợp vào bên Nợ TK 6231. Cuối quý tập hợp toàn bộ chi phí nhân viên điều khiển máy thi công.

**Biểu 2.13**

**SỔ CHI TIẾT TK 6231**

Quý IV/2009

TK 6231 – “Chi phí nhân công sử dụng máy thi công”

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
31/10	BTL T10	Tính lương cho tổ lái xe tháng 10/2009	334	4.250.000	
30/11	BTL T11	Tính lương cho tổ lái xe tháng 11/2009	334	4.500.000	
31/12	BTL T12	Tính lương cho tổ lái xe tháng 12/2009	334	4.500.000	
31/12	PKT 103	K/c lương tổ lái xe			13.250.000
		Cộng phát sinh quý IV		<b>13.250.000</b>	<b>13.250.000</b>
		Số dư cuối			

Cụ thể là cuối quý IV/2009 kế toán tập hợp được toàn bộ chi phí nhân viên điều khiển máy thi công là 13.250.000

**\* Chi phí về Vật liệu, công cụ dụng cụ**

- Bao gồm chi phí về vật liệu, công cụ dụng cụ như xăng xe, dầu diesel, lốp xe, phụ tùng, thiết bị...

- TK sử dụng: TK 6232 – Chi phí vật liệu – Công cụ dụng cụ máy thi công

- Phương pháp tập hợp: Căn cứ vào các chứng từ về NVL, CCDC phục vụ máy thi công kế toán tập hợp vào các bên Nợ TK 6232. Cuối quý, kế toán tập hợp tổng Chi phí NVL- CCDC máy thi công của tất cả các công trình. Chi phí NVL- CCDC được phân bổ cho từng công trình theo Chi phí NVL trực tiếp và Chi phí nhân công trực tiếp.



Biểu 2.14

**SỔ CHI TIẾT TK 6232**

Trích Quý IV/2009

TK 6232:- Chi phí vật liệu- công cụ dụng cụ

*Đơn vị: Đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
.....	...	.....		...	
26/11	PC90	Mua phụ tùng thay thế cho máy trộn bê tông	153	1.500.000	
...	...	...		.....	
05/12	PC110	Mua xăng A92	152	462.682	
		.....		.....	
31/12	PKT 104	K/c chi phí vật liệu ccđc	154		12.250.000
		Cộng phát sinh		<b>12.250.000</b>	<b>12.250.000</b>
		Số dư cuối			

**\*Kế toán chi phí khấu hao máy thi công**

Cuối mỗi kì kế toán, công ty áp dụng QĐ 206/2003/BTC để theo dõi và tính khấu hao tài sản cố định. Hình thức khấu hao mà công ty áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng.

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times \text{Nguyên giá} \times \text{Tỷ lệ khấu hao}$$

$$\text{Mức trích khấu hao hàng tháng} = \frac{\text{Mức trích khấu hao năm}}{12}$$

Kế toán công ty luôn trích khấu hao máy thi công cho toàn công ty. Sau đó dựa vào giá thành dự toán các công trình kế toán tiến hành phân bổ chi phí máy thi công cho từng công trình, hạng mục công trình.

$$M_{\text{trích KH máy thi}} = \frac{\sum M_{\text{trích khấu hao máy thi công}}}{\sum Z_{\text{dự toán của công trình}}} \times Z_{\text{dự toán của công trình}}$$

Cuối tháng đội trưởng đội xây lắp tập hợp các chứng từ hoá đơn thanh toán liên quan về phòng kế toán công ty.

từ bảng trích khấu hao tài sản cố định kế toán công ty tiến hành ghi sổ NKC vào sổ cái tài khoản 623, sổ cái tài khoản 6234 và các sổ khác có liên quan.

Biểu 2.15

### **BẢNG PHÂN BỔ KHẤU HAO MÁY THI CÔNG**

Quý IV/2009

DVT: ĐỒNG

STT	Tên công trình	Tỷ lệ trích khấu hao MTC	Phân bổ KH MTC
1	Công trình Bệnh Viện Đồ Sơn	0,13	7.045352,9
2	Công trình Nhà Trẻ Cựu Viên .....	0,04	2.569.214
	<b>Cộng</b>	1	54.195.023

Biểu 2.16

## **SỔ CHI TIẾT TK 6234**

Trích Quý IV/2009

TK 6234:- Chi phí khấu hao máy thi công

*Đơn vị: Đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
.....	...	.....		...	
21/12	BTKH	Trích khấu hao máy thi công	214	17.523.241	
.....	.....	.....		.....	.....
31/12	PKT 105	K/c chi phí khấu hao máy thi công	154		54.195.023
		Cộng phát sinh		<b>54.195.023</b>	<b>54.195.023</b>
		Số dư cuối			

### **❖ Kế toán dịch vụ mua ngoài**

Chi phí dịch vụ mua ngoài gồm chi phí sửa chữa máy thi công, chi phí điện nước.

Cuối tháng đội trưởng xây lắp tập hợp các chứng từ hoá đơn thanh toán liên quan về phòng kế toán công ty, từ phiếu kế toán tiến hành ghi sổ NKC, sổ chi tiết tài khoản 632, sổ cái TK623, sổ chi tiết 6237 và các sổ sách chứng từ khác liên quan.

**Biểu 2.17**

**SỔ CHI TIẾT TK 6237**

Trích Quý IV/2009

TK 6237:- Chi phí dịch vụ mua ngoài

*Đơn vị: Đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
.....	...	.....		...	
02/12	PC110	Thanh toán tiền bảo dưỡng MTC cho công ty Phát Đạt	111	500.000	
...	...	.....		.....	.....
31/12	PKT 106	K/c chi phí bảo dưỡng máy thi công	154		8.500.000
		Cộng phát sinh		<b>8.500.000</b>	<b>8.500.000</b>
		Số dư cuối			

**❖ Kế toán chi phí bằng tiền khác**

Chi phí bằng tiền khác của công ty bao gồm các chi phí phục vụ cho hoạt động của máy thi công.

Cuối tháng đội trưởng đội xây lắp tập hợp các chứng từ hoá đơn thanh toán liên quan về phòng kế toán công ty.

Từ phiếu chi kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 6238 và các sổ sách có liên quan.

Biểu 2.18

**SỔ CHI TIẾT TK 6238**

Trích Quý IV/2009

TK 6238:- Chi phí bằng tiền mặt khác

*Đơn vị: Đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
.....	...	.....		...	
02/12	PC109	Chi tiền mặt cho anh Nguyễn Văn Dương đi bảo dưỡng MTC	111	50.000	
...	...			...	.....
31/12	PKT 107	K/c chi phí bằng tiền mặt khác	154		7.500.000
		Cộng phát sinh		<b>7.500.000</b>	<b>7.500.000</b>
		Số dư cuối			

\* Cuối tháng toàn bộ chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình được tập hợp. Tổng chi phí sử dụng máy thi công của tất cả các công trình được kế toán tập hợp trong quý IV/2009 là:

$$= 13.250.000 + 12.250.000 + 54.195.023 + 8.500.000 + 7.500.000 = 95.695.023$$

**Biểu 2.19**

**Mẫu số S03a-DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**NHẬT KÝ CHUNG**  
(Trích quý IV năm 2009)

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	NT	SH					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			.....				...	
26/11	26/11	PC90	Mua phụ tùng thay thế cho máy trộn bê tông			623 152	1.500.000	1.500.000
		.....	.....					
02/12	02/12	PC109	Chi tiền mặt cho anh Đương đi bảo dưỡng máy thi công			623 111	50.000	50.000
			.....					
21/12	21/12	PKT	Trích khấu hao máy thi công			623 214	17.523.241	17.523.241
			.....				.....	
			Cộng chuyên sang trang sau					

**Biểu 2.20**

**Mẫu số S03b-DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Trích Quý IV/2009

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu TK: 623

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	NT	SH		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			.....	.....	...	.....	.....	.....
31/12	31/12	PKT 109	<i>K/c lương tổ lái xe</i>			334	13.250.000	
31/12	31/12	PKT 110	<i>K/c chi phí vật liệu ccđc</i>			152	12.250.000	
31/12	31/12	PKT 111	<i>K/c chi phí khấu hao máy thi công</i> .....			214	54.195.023	.....
31/12	31/12	PKT 123 127 131	<i>KC chi phí sử dụng máy thi công</i>					95.695.023
			<b><i>Cộng PS trong quý IV</i></b>				<b>95.695.023</b>	<b>95.695.023</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người ghi sổ

PT Kế toán

Giám đốc

Kế toán tiến hành phân bổ cho các công trình theo tiêu thức chi phí trực tiếp. Chi phí sử dụng máy thi công quý IV/2009 phân bổ cho công trình bệnh Viện Đồ Sơn

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sd} \\ \text{MTC phân} \\ \text{bổ cho} = \frac{\text{Chi phí NVLTT của Ctrình A} + \text{Chi phí NCTT của ctrình A}}{\text{Tổng CP NVLTT + Tổng Cp NCTT của các công trình của các ctrình}} \times \text{MTC} \\ \text{CtrìnhA} \\ \text{Chi phí sd} \\ \text{MTC phân} \\ \text{bổ cho} = \frac{681.151.367 + 100.305.457}{4.312.796.006 + 1.492.833.937} \times 95.695.023 \\ \text{Ctrình} \\ \text{BVĐS} \\ = 12.880.864 \end{array}$$



**Biểu 2.21**

**SỔ CHI TIẾT TK 623**

Trích Quý IV/2009

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Công trình: Bệnh Viện Đồ Sơn

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền	
	NT	SH			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			.....	.....	.....	.....
31/12	31/12	PKT 109	<i>lương tổ lái xe</i>	334	1.783.493,43	
31/12	31/12	PKT 110	<i>chi phí vật liệu ccđc</i>	152	1.648.890,16	
31/12	31/12	PKT 111	<i>chi phí khấu hao máy thi công</i> .....	214	7.294.827,77 .....	.....
31/12	31/12	PKT 123	<i>KC chi phí sử dụng máy thi công</i>			<b>12.880.864</b>
			<b><i>Cộng PS trong quý IV</i></b>		<b>12.880.864</b>	<b>12.880.864</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người ghi sổ

PT Kế toán

Giám đốc

#### 2.2.2.4. Hạch toán chi phí Sản xuất chung

Bên cạnh các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, nhân công ... để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả cao, trên thực tế phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như chi phí khấu hao được phân bổ cho các công trình, thuê xe đi công tác, chi thuê mướn, lán trại cho công nhân, chi dịch vụ điện thoại, chi nghiệm thu công trình... Đó chính là chi phí sản xuất chung.

##### *\*Chi phí nhân viên quản lý*

Chi phí nhân viên quản lý công ty bao gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, phải trả cho nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn ca của công nhân xây lắp, nhân viên quản lý, các khoản trích theo quy định.

Khoản mục này, căn cứ vào bảng chấm công đã có sự xác nhận của phòng tổ chức hành chính chuyển về, kế toán tính lương nhân viên quản lý đội, tiến hành trích các khoản theo quy định.

VD: các khoản trích lương tháng 12 của nhân viên quản lý công trình Bệnh Viện Đồ Sơn

+ Trích KPCĐ

Nợ TK 6271: 104.500

Có TK 3382: 104.500

+ Trích BHYT

Nợ 6271: 104.500

Có 3384: 104.500

+ Trích BHXH

Nợ 6271: 783.750

Có 3383: 783.750

##### Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí vật liệu hạch toán trong chi phí sản xuất chung ở công ty bao gồm: dụng cụ tại văn phòng Công ty, chi phí lán trại tạm thời tại công trình

Khi phát sinh NV kinh tế liên quan đến việc sử dụng vật liệu quản lý, kế toán căn cứ vào các chứng từ “Hoá đơn GTGT” “Hoá đơn bán hàng thông thường”... tập hợp vào TK 6272

VD: Hoá đơn GTGT số 030378 ngày 19/10 năm 2009 mua vật liệu dựng lán trại cho công nhân:

+ Kế toán ghi

Nợ TK 6272: 512.000

Nợ TK 133: 51.200

Có TK 111: 563.200

#### Chi phí công cụ dụng cụ

Chi phí ccđc sản xuất của công ty bao gồm những chi phí: như chi phí mua giàn giáo, ván khuôn và các công cụ khác...

Công ty sử dụng TK 6273 – Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất

Vd: Trong quý IV năm 2009 trình Bệnh Viện Đờ Sơn có mua sắm 1 số ccđc bảo hộ cho công nhân

+ Kế toán ghi:

Nợ TK6273: 1.200.000

Nợ TK 1331: 120.000

Có TK 111: 1.320.000

#### Chi phí khấu hao

Là chi phí phản ánh Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động của đội xây dựng

TK Sử dụng: 6274- chi phí khấu hao TSCĐ

Phương pháp ghi: Cuối mỗi quý kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo tỷ lệ quy định, tập hợp vào bên Nợ TK 6274 và ghi vào sổ chi tiết TK 6274. Sau đó phân bổ cho các công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Việc tính toán và phân bổ chi phí khấu hao cho từng công trình, hạng mục công trình trong quý thực hiện trên bảng tính trích hao tháng 12 năm 2009, kế toán ghi chi tiết cho từng công trình.

Ví dụ công trình Bệnh Viện ĐS

Nợ TK 6274: 1.770.000

Có TK 214: 1.770.000

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Nội dung chi phí bao gồm các khoản như: Tiền điện, nước sinh hoạt, điện thoại sử dụng cho quản lý đội và quản lý công ty:

TK sử dụng: TK 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Phương pháp tập hợp: Các khoản chi phí nói trên được tập hợp vào bên Nợ TK 6277, cuối kỳ tập hợp lại cùng các chi phí khác trong khoản mục Chi phí sản xuất chung để phân bổ theo tiêu thức chi phí NVLTT.

- Kế toán ghi:

Nợ TK6277:750.000

Có TK111: 750.000

Chi phí bằng tiền khác

Là các khoản chi phí như: Chi phí tiếp khách, công tác phí phục vụ thi công công trình, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế và các khoản chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động xây dựng.

TK sử dụng: TK6278 – Chi phí khác bằng tiền mặt

Phương pháp hạch toán: Căn cứ vào các Hoá đơn thanh toán, phiếu chi, kế toán ghi chép vào sổ chi tiết 6278.

- VD: ngày 22/10 chi công tác phí cho anh Thắng
- KT ghi

Nợ TK 6278: 1.250.000

Có TK 111: 1.250.000

Trình tự hạch toán:

Hàng tháng hoặc kỳ, toàn bộ hoá đơn chứng từ gốc phát sinh về những NVKT được kế toán tập hợp. Cuối kỳ kế toán lập bảng “Tổng hợp chi tiết TK 627”

Biểu 2.22

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT 627**

Quý IV/2009

STT	SHTK	Phát sinh		Ghi chú
		Nợ	Có	
1	6271	368.677.980		
2	6272	25.542.000		
3	6273	22.364.000		
4	6274	25.368.492		
5	6277	55.365.384		
6	6278	35.881.585		
7	154		533.199.441	
	<b>Cộng</b>	<b>533.199.441</b>	<b>533.199.441</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

$$\text{Chi phí sxc của c\text{tr}\text{inh A}} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC của C\text{tr}\text{inh A}}{\text{Tổng chi phí NVL của các c\text{tr}\text{inh}}} \times \text{Chi phí NVTTT của c\text{tr}\text{inh A}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sxc} \\ \text{của c\text{tr}\text{inh}} \end{array} = \frac{533.199.441}{4.312.796.006} \times 681.151.367 = 84.212.081$$

Bệnh Viện  
Đồ Sơn

Biểu 2.23

## SỔ CHI TIẾT TK 627

Trích quý IV/2009

Tên TK: Chi phí sản xuất chung

Tên công trình: Bệnh Viện Đồ Sơn

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền	
	NT	SH			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			.....	.....	.....	.....
31/12	31/12	PKT 116	<i>Chi phí vật liệu quản lý</i>	152	4.034.034,5	
31/12	31/12	PKT 117	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	111	8.744.259,3	
31/12	31/12	PKT 118	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	214	4.006.631,1 .....	.....
31/12	31/12	PKT 124	<i>KC chi phí sản xuất chung</i>			84.212.081
			<b><i>Cộng PS trong quý IV</i></b>		84.212.081	84.212.081

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Biểu 2.24**

**Mẫu số S03b-DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Trích quý IV/2009

Tên TK: Chi phí sản xuất chung

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	NT	SH		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/12	31/12	PX63	<i>Xuất 1 bộ giàn giáo cho ctrình Nhà Trẻ Cựu Viên</i>			242	1.250.000	
			.....					
31/12	31/12	PKT 117	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>			111	8.744.259,3	
							.....	.....
31/12	31/12	PKT 124 128 132	<i>KC chi phí sản xuất chung</i>					533.199.441
			<b><i>Cộng phát sinh trong quý IV</i></b>				<b>533.199.441</b>	<b>533.199.441</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**❖ Kế toán tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị**

Để tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, kế toán sử dụng TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Từ TK 154 làm cơ sở chi việc tính giá thành thực tế của công trình mà công ty thực hiện trong quý. Khi lập bảng tập hợp chi phí sản xuất các khoản mục chi phí trong quý của từng công trình cũng được thể hiện rõ trên đó.

**Biểu 2.25**

**SỔ CHI TIẾT TK 154**

Trích quý IV/2009

TK 1541: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tên công trình: Bệnh Viện Đồ Sơn

Chứng từ		Diễn giải	TK <i>đối ứng</i>	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
B	C	D	H	1	2
		.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 121	<i>Kết chuyển CPNVLTT</i>	621	681.151.367	
31/12	PKT 122	<i>Kết chuyển CPNCTT</i>	622	100.305.457	
31/12	PKT 123	<i>Kết chuyển CP SDMTC</i>	623	12.880.864	
31/12	PKT 124	<i>KC chi phí sản xuất chung</i>	627	84.212.081	
		<b><i>Tổng cộng</i></b>		<b>878.549.769</b>	

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người ghi sổ

PT kế toán

Giám đốc



**Biểu 2.26**

**Mẫu số S03a-DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng B

**NHẬT KÝ CHUNG**

(Trích quý IV năm 2009)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	NT	SH					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/12	31/12	PKT 121	..... <b>Công trình Bệnh Viện Đồ Sơn</b> <i>Kết chuyển cp NVLTT</i>			154 621	681.151.367	681.151.367
31/12	31/12	PKT 122	<i>Kết chuyển cp NCTT</i>			154 622	100.305.457	100.305.457
31/12	31/12	PKT 123	<i>Kết chuyển cp sd MTC</i>			154 623	12.880.864	12.880.864
31/12	31/12	PKT 124S	<i>Kết chuyển cp SXC</i> .....			154 627	84.212.081	84.212.081
			Cộng chuyển sang trang sau				....	....

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Người ghi sổ

PT kế toán

Giám đốc

**Biểu 2.27**

**Mẫu số S03b-DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI TK 154**

Trích quý IV/2009

TK154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK <i>đối ứng</i>	Số tiền	
NT	SH		Tran g	Dòng		Nợ	Có
B	C	D	E	G	H	1	2
		<b>Số dư đầu kỳ</b>				1.250.864.706	
31/12	PKT 121 125 129	<i>Kết chuyển CPNVLTT</i>			621	4.312.796.006	
31/12	PKT 122 126 130	<i>Kết chuyển CPNCTT</i>			622	1.492.833.937	
31/12	PKT 123 127 131	<i>Kết chuyển CP MTC</i>			623	95.695.023	
31/12	PKT124 128 132	<i>KC chi phí sản xuất chung</i>			627	533.199.441	7.314.966.669
31/12	PKT 133 134 135	<i>Giá vốn các trình Yên Tử, Cụu Viên, BVĐồ Sơn</i>					
		<b>Phát sinh quý IV</b>				<b>6.434.524.407</b>	<b>7.4.314.966.669</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>				<b>370.422.446</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

PT kế toán

Giám đốc

➤ **Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ**

Đặc điểm của sản phẩm xây lắp là có giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài. Vì vậy để tính giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ đòi hỏi phải xác định thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ.

Đến cuối mỗi quý lãnh đạo công ty, cán bộ kỹ thuật công trình, đại diện phòng kế hoạch sẽ tiến hành kiểm kê xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ cho từng phần việc cụ thể. Sau đó phòng kế hoạch định giá phù hợp với từng công việc của từng công trình cụ thể và tính chi phí dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ cùng với các tài liệu khác có liên quan gửi sang phòng tài vụ để tiến hành xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{KLXL thực hiện trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán của KLXL} \\ \text{hoàn thành bàn giao trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{KLXL dở dang kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{dự} \\ \text{toán} \\ \text{của KLXL} \\ \text{đd kỳ} \end{array}$$

Tại công trình Bệnh Viện Đồ Sơn, quý IV/2009 có:

- Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ: 0
- Chi phí thực tế khối lượng xây lắp thực tế trong kỳ: **878.549.769**
- Giá trị dự toán khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ: 635.454.000
- Giá trị dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ: 463.243.000
- Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ:

$$= \frac{0 + 878.549.769}{635.454.000 + 463.243.000} \times 463.243.000 = 370.422.446$$

**Kế toán tính giá thành sản phẩm tại công ty**

Từ những chi phí thực tế phát sinh trong quý, chi phí khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ, cuối kỳ đã tập hợp và tính giá toán được kế toán tiến hành tính giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao theo từng công trình, hạng mục công trình theo công thức.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế khối lượng} = \\ \text{xây lắp hoàn} \\ \text{thành bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của khối lượng} \\ \text{xây lắp dd đk} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL} \\ \text{dd trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thực tế} \\ \text{xây lắp ddck} \end{array}$$

Công trình Bệnh Viện Đồ Sơn cuối quý IV/2009 có giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao là:

$$= 878.549.769 - 370.422.446 = 508.127.323$$

Khi bàn giao công trình, hạng mục công trình hoàn thành trong quý, số liệu này được định khoản như sau:

Nợ TK 632 – CT Bệnh Viện Đồ Sơn: 508.127.323

Có TK 154 – CT Bệnh Viện Đồ Sơn: 508.127.323

## **CHƯƠNG 3**

# **MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN CƯ**

### **3.1 Nhận xét đánh giá về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.**

#### ***3.1.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm.***

##### ***Thứ nhất: Về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán của công ty***

Công ty đã xây dựng được một mô hình quản lý và hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Việc kiểm tra hợp lý, hợp lệ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và luân chuyển chứng từ theo đúng chế độ hiện hành.

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả cho lãnh đạo Công ty trong việc giám sát sản xuất thi công, quản lý kinh tế, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý, phù hợp với khoa học hiện nay. Đặc biệt việc phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng người rất rõ ràng, cụ thể, cộng với trình độ năng lực nhiệt tình trung thực của đội ngũ cán bộ phòng kế toán rất cao đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế tại Công ty.

##### ***Thứ hai: Về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán tại Công ty.***

Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở Công ty là hình thức nhật ký chung. Đây là hình thức sổ ghi chép đơn giản, thuận tiện cho việc áp dụng máy vi tính. Mặc dù mới có chế độ kế toán mới trong các doanh nghiệp xây lắp (theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006) cùng các biểu mẫu chứng từ, sổ sách kế toán mới nhưng Công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán mới, tổ chức công tác kế toán quản trị, kế toán tài chính rõ ràng... giảm

bớt được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, đáp ứng được đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của Công ty và của các đối tượng khác có liên quan.

Hiện nay Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, các chứng từ được kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại Công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp Ban Giám đốc thường xuyên nắm được tình hình biến động hàng tồn kho và ra Quyết định một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

***Thứ ba: Về tổ chức quản lý lao động, quản lý vật tư.***

Công ty đã quản lý lao động có trọng tâm, luôn động viên, khuyến khích đối với lao động có tay nghề cao bằng chế độ thưởng phạt. Ngoài ra Công ty còn chia lao động thành lao động trong danh sách và lao động ngoài danh sách để động viên, huy động nhân công được linh hoạt.

Việc quản lý và mua sắm vật tư được giao cho các đội nhưng phải đảm bảo phù hợp với giá cả thị trường tại địa điểm và thời điểm thi công công trình dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban Vật tư Công ty.

***Thứ tư: Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm***

Công ty thống nhất trong phương pháp xác định và hạch toán các loại chi phí sản xuất. Mặc dù các công trình Công ty đảm nhiệm thi công thường nằm xa trụ sở Công ty, tuy nhiên kế toán Công ty vẫn tổ chức hạch toán chi phí sản xuất cho từng công trình, hạng mục công trình trong quý một cách rõ ràng, đơn giản, phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, quản lý và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc phân bổ chi phí sản xuất luôn được quán triệt nguyên tắc chi phí thực tế có phát sinh mới được phân bổ và có sự giám sát, theo dõi chặt chẽ của Ban Giám đốc.

***Thứ năm: Đánh giá sản phẩm dở dang ở Công ty.***

Công ty đã tiến hành đánh giá, kiểm kê khối lượng sản phẩm làm dở cuối kỳ một cách khoa học, xác định được đúng chi phí thực tế, giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, cung cấp số liệu chính xác, kịp thời, phục vụ cho công tác tính giá thành.

Những ưu điểm trong công tác quản lý nói chung, quản lý sản xuất và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng đã góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân viên, tạo ra sự tích lũy và tái sản xuất mở rộng ở Công ty. Tuy nhiên trong điều kiện cơ chế thị trường cạnh tranh cộng sự thay đổi chưa hoàn chỉnh của hệ thống kế toán đã làm Công ty gặp một số khó khăn và tồn tại nhất định nhất là trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

### **3.1.2 Những tồn tại cần hoàn thiện trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Cư.**

#### ***Tồn tại 1: Về ứng dụng tin học vào công tác kế toán***

Hiện nay, CNTT là 1 trong những cách thức giúp cho công tác kế toán của công ty được đơn giản gọn nhẹ, hệ thống sổ sách kế toán bớt công kềnh. Nhưng công ty vẫn chỉ ứng dụng các chức năng thông thường của máy tính trong công tác kế toán. Điều đó làm cho công tác kế toán gặp nhiều khó khăn đặc biệt là trong lĩnh vực theo dõi số liệu kế toán các NVKT phát sinh.

#### ***Tồn tại 2: Về kế toán chi phí nguyên vật liệu***

Nguyên vật liệu được Công ty giao khoán cho các công trình. Điều này một mặt có ưu điểm là tiết kiệm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm xây lắp nhưng có nhược điểm là để tránh việc phải bù lỗ nếu sử dụng quá mức giao khoán hoặc được hưởng chênh lệch nếu sử dụng không hết, thì công trình phải tiết kiệm nguyên vật liệu một cách triệt để. Điều này dẫn đến tình trạng không kiểm soát được xây lắp và chủng loại của nguyên vật liệu dùng vào thi công công trình nhất là trong tình trạng phải bù lỗ vật tư cho công trình.

#### ***Tồn tại 3: Về kế toán chi phí tiền lương***

Hiện nay công ty không trích trước tiền lương công nhân nghỉ phép.

#### ***Tồn tại 4: Về phương pháp tính giá thành xây lắp hoàn thành.***

Công ty không sử dụng Thẻ chi tiết giá thành, chỉ tập hợp chi sản xuất xây lắp các công trình. Bảng tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp không đáp ứng được yêu cầu tính giá thành sản phẩm xây lắp theo khoản mục chi phí. Do vậy, công ty nên lập thẻ tính giá thành theo khoản mục chi phí sản xuất riêng cho từng công trình.

### **3.2 Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH An Cư.**

#### **3.2.1 Yêu cầu**

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần phải dựa trên những cơ sở sau:

##### ***Thứ nhất:***

Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp lại có những đặc điểm riêng, do đó không thể có 1 mô hình kế toán chung phù hợp với tất cả các doanh nghiệp. Vận dụng chế độ kế toán 1 cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và qui mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý chung.

##### ***Thứ hai:***

Đảm bảo sự tuân thủ và thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà Nước. Trong chế độ thể lệ kế toán do Nhà Nước ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.

##### ***Thứ ba:***

Đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý.

##### ***Thứ tư:***

Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn.

#### **3.2.2 Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Cư.**



***Thứ nhất: Hoàn thiện về ứng dụng tin học vào công tác kế toán.***

Hiện nay công ty An Cư có ứng dụng công nghệ tin học vào công tác kế toán nhưng chỉ là phần rất nhỏ trong tài nguyên của máy tính như chương trình tin học văn phòng WORDS EXCELL. Trên thực tế thì hàng ngày tại công ty các NVKTPS diễn ra rất nhiều, đòi hỏi nhân viên kế toán phải theo dõi rất nhiều chứng từ nên nếu chỉ sử dụng chương trình tin học văn phòng thì việc theo dõi công tác kế toán sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy công ty có thể sử dụng 1 phần mềm kế toán được lập trình sẵn, phù hợp với mục đích sử dụng của công ty. Giúp cho công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng sẽ được thực hiện dễ dàng hơn, theo dõi được thuận tiện, đẩy nhanh tiến độ công việc, xử lý thông tin kịp thời.

Trên thị trường các công ty CNTT đang xây dựng những phần mềm kế toán áp dụng theo nhiều hình thức kế toán khác nhau như phần mềm INNOVA 6.8 của công ty cổ phần SIS Việt Nam. Phần mềm ACMAN của công ty cổ phần phát triển phần mềm ACMAN...

***Thứ hai: Hoàn thiện công tác quản lý chi phí nguyên vật liệu.***

Trong tình hình thực tế hiện nay, nhu cầu xây dựng kiến thiết lại đất nước được tăng lên không ngừng, do đó nhu cầu về vật tư xây dựng trên thị trường cũng không ngừng tăng lên, giá cả vật tư không đồng bộ, luôn có sự biến động. Vật liệu cung cấp cho sản xuất thi công theo phương thức dựa trên tiến độ thi công, dựa trên kế hoạch cung ứng vật tư, cung ứng cho từng công trình cụ thể. Một số lượng lớn vật tư mua về được xuất dùng cho sản xuất ngay, nhưng mặt khác mỗi khối lượng thi công xây lắp đều có định mức khối lượng vật tư cụ thể, định mức này do Ban kế hoạch - kỹ thuật của Công ty lập nên dựa trên cơ sở các định mức trong thiết kế công trình và điều kiện thi công cụ thể từng công trình và hạng mục công trình.

Vì vậy để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp phát vật tư vào sản xuất, kiểm tra được số vật liệu tiêu hao theo định mức, góp phần kiểm tra được tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất thì Công ty nên sử dụng “*Phiếu xuất vật tư theo hạn mức*”.

Việc sử dụng “*Phiếu xuất vật tư theo hạn mức*” sẽ tạo điều kiện theo dõi, quản lý chặt chẽ hơn việc xuất dùng vật liệu ở kho công trình của kế toán viên ở phòng kế toán. Mặt khác nó cũng hạn chế được những hao hụt, mất mát vật liệu, nếu hao hụt, mất mát thì việc kiểm tra phát hiện cũng dễ dàng hơn, việc quy trách nhiệm vật chất cho các đối tượng liên quan có cơ sở xác đáng hơn. Do đó Công ty có thể khắc phục được những hạn chế khi sử dụng phiếu xuất kho bằng cách sử dụng “*Phiếu xuất vật tư theo hạn mức*”, việc ghi chép và sử dụng mẫu được quy định và giải thích rõ trong chế độ ghi chép ban đầu.

Bảng 3.1:

### PHIẾU XUẤT VẬT TƯ THEO HẠN MỨC

Số: .....

Ngày.....tháng.....năm.....

Nợ:.....

Bộ phận sử dụng: .....

Có: .....

Lý do xuất: .....

Xuất tại kho: .....

S T T	Tên nhãn hiệu vật tư	Mã số	Đ V T	Hạn mức được duyệt trong tháng	Số lượng xuất				Đơn giá	TT
					Ngày	Ngày	Ngày	Cộng		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
1	Cát vàng		m <sup>3</sup>	200	80	60	50	190	52.000	
2	Gạch chỉ		Viên	225.000	70.000	85.000	70.000	225.000	260	
3	Xi măng Hải Phòng		kg	30.000	13.000	10.000	7.000	30.000	770	-
	Cộng	x	x	x	x	x	x	x	x	

Đặc điểm của chứng từ này là xuất vật tư được nhiều lần trong hạn mức cho phép. Căn cứ vào khối lượng công việc của từng công trình, hạng mục công

trình mà Công ty thực hiện và định mức dùng vật tư cho một khối lượng công việc, Ban Vật tư có thể xác định hạn mức vật tư được duyệt trong tháng cho từng công việc.

Nếu vật tư sử dụng hết mà công việc chưa hoàn thành, muốn sử dụng thêm phải lập phiếu xuất vật tư hoặc phiếu xuất vật tư theo hạn mức mới. Do đó khi sử dụng loại chứng từ này Công ty có thể kiểm tra được việc sử dụng tiết kiệm hay lãng phí vật tư theo yêu cầu của công việc.

**Thứ ba: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí tiền lương.**

Công ty nên điều chỉnh chi phí tiền lương nghỉ phép = cách trích trước lương nghỉ phép.

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích trước tiền} \\ \text{lương nghỉ phép k/h} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương cơ bản tté} \\ \text{phải trả CNTT SX} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{trích trước} \end{array}$$

$$\text{Tỷ lệ trích trước} = \frac{\text{Tổng số lương nghỉ phép k/h năm của CNTT SX}}{\text{Tổng số lương cơ bản k/h năm}} \times 100$$

Trên đây là những kiến nghị nhằm giúp cho công ty hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng, giúp cho công ty có kế hoạch quản trị đúng đắn tìm được những hướng đi phù hợp để khẳng định mình và ngày càng phát triển hơn nữa trên nền kinh tế hiện nay.

## KẾT LUẬN

Nền kinh tế mở đem lại sự sống còn và phát triển của các doanh nghiệp. Với thị trường cạnh tranh gay gắt doanh nghiệp phải linh hoạt và nhạy bén để tồn tại và phát triển trong cơ chế mới. Xuất phát từ vấn đề “*sản xuất cái gì, sản xuất cho ai, sản xuất như thế nào*” xuyên suốt quá trình sản xuất vấn đề nào cũng đều rất quan trọng như cơ thể sống của các doanh nghiệp. Trong quá trình này, kế toán là một trong những công cụ quản lý đặc biệt, sắc bén, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp lãnh đạo Công ty nắm được trọng điểm và mục tiêu quản lý.

Như vậy để các doanh nghiệp tồn tại và phát triển cùng hoàn thiện công tác quản lý của mình trong nền kinh tế thị trường, thông tin được coi là quan trọng nhất trong kế toán là thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Bởi vì, nó gắn liền với việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và lao động trong sản xuất mà tiết kiệm chi phí là mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp. Hơn nữa việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm tạo điều kiện để xác định đúng hiệu quả tài chính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm tăng tốc độ và quy mô, cải thiện đời sống cán bộ, công nhân viên.

Chính vì vậy việc đổi mới và hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp xây lắp nói chung và Công ty TNHH AN Cư nói riêng là một vấn đề hết sức cần thiết và không phải dễ dàng gì.

Với mục tiêu góp phần đổi mới công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm bài viết này đã đề cập đến vấn đề sau:

- *Đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu một số vấn đề lý luận cơ bản thuộc lĩnh vực chi phí sản xuất và tính giá thành trong các doanh nghiệp xây lắp.*

- *Tìm hiểu thực trạng bộ máy quản lý kế toán, đặc điểm sản xuất kinh doanh và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Cư*

- Đưa ra đề xuất về phương hướng cơ bản nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

Do trình độ có hạn, thời gian thực tập không dài nên bài viết của em mới chỉ đề cập đến những vấn đề mang tính cơ bản nhất và chắc chắn không tránh khỏi được những thiếu sót, rất mong được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

## LỜI CẢM ƠN

*Em xin chân thành cảm ơn những tình cảm và sự truyền đạt kiến thức của tập thể giáo viên khoa Quản trị kinh doanh trong suốt quá trình em học tập và nghiên cứu.*

*Em cũng xin gửi lời biết ơn chân thành nhất tới thầy giáo Tiến sĩ Phan Bá Thanh người đã nhiệt tình hướng dẫn em trong cách nghiên cứu vấn đề, giúp em có tư duy đúng đắn trong quá trình tiếp cận và cũng như chỉ bảo tận tình cho em trong suốt thời gian em hoàn thành khóa luận của mình. Chính sự giúp đỡ, chỉ bảo đó đã giúp em nắm bắt được những kiến thức thực tế về các nghiệp vụ kế toán. Những kiến thức này sẽ là hành trang ban đầu cho em trong quá trình ra công tác sau này.*

*Do đề tài còn mới mẻ cùng với hạn chế về kiến thức của bản thân nên khóa luận không tránh khỏi các sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, các cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.*

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Trần Thị Nụ

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Th.s Bùi Văn Trường - “Kế toán chi phí”- NXB Lao động Xã Hội - 2006
2. Bộ Tài Chính -“Hệ thống chuẩn mực kế toán” - NXB Tài Chính -2006
3. Bộ Tài Chính “Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam” - NXB Tài Chính – 2006
4. Một số luận văn của sinh viên khoá trước
5. <http://www.sbv.gov.vn>
6. <http://www.vienkinhte.hochiminhcity.gov.vn>
7. <http://www.vneconomy.vn/>

## MỤC LỤC

<b>DANH SÁCH CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	1
<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	2
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP Ở DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG</b> .....	4
1.1 Đặc điểm của sản phẩm xây lắp và yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, tính giá thành. ....	4
1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp.....	4
1.1.2. Yêu cầu của tổ chức quản lý chi phí sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm xây lắp và nhiệm vụ của kế toán trong doanh nghiệp xây dựng.....	5
1.2. Chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng .....	7
1.2.1. Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng:.....	7
1.2.1.1 Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng .....	7
1.2.2 Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp .....	8
1.2.2.1 Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí....	9
1.2.2.2 Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng của chi phí .....	10
1.2.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất .....	11
1.3. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	12
1.3.1. Các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất .....	12
1.3.1.1 Phương pháp tập hợp trực tiếp chi phí sản xuất.....	12
1.3.1.2 Phương pháp phân bổ gián tiếp chi phí sản xuất .....	12
1.3.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	12
1.3.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	13
1.3.2.2 Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	25
1.4 Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp .....	25



1.4.1 Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá dự toán: .....	26
1.4.2 Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở dang theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương: .....	26
1.4.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán.....	27
1.5 Giá thành sản phẩm xây lắp và các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp .....	27
1.5.1 Giá thành sản phẩm xây lắp và các loại giá thành sản phẩm xây lắp. ....	27
1.5.1.1 Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	27
1.5.2 Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp. ....	28
1.5.3. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp. ....	31
1.5.4. Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	32
1.5.5. Phương pháp tính giá thành .....	33
1.5.5.1 Phương pháp tính giá thành trực tiếp .....	33
1.5.5.2. Phương pháp giá thành theo đơn đặt hàng.....	34
1.5.5.3. Phương pháp tổng cộng chi phí : .....	34
1.5.5.4 Phương pháp tính giá thành theo định mức .....	34
1.6. Hệ thống sổ sách kế toán sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp xây lắp.....	36
1.6.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.....	36
1.6.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	37
1.6.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	38
1.6.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ .....	40
1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	42
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN CƯ.</b>	<b>43</b>
2.1 Quá trình hình thành phát triển của công ty TNHH An Cư.....	43
2.1.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH An Cư.....	43
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh .....	43
2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.....	44
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý.....	44

2.1.5. Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	46
2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán .....	48
2.1.6.1. Nhiệm vụ của phòng kế toán.....	48
2.1.6.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty. ....	49
2.1.6.3. Hình thức kế toán: Nhật ký chung .....	50
2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất tại Công ty.....	52
2.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất của Công ty .....	52
2.2.1.1 Đối tượng tập hợp chi phí .....	52
2.2.1.2 Tài khoản áp dụng.....	53
2.2.2 Nội dung kế toán chi phí sản xuất.....	53
2.2.2.1 Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	53
2.2.2.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp : .....	62
2.2.2.3 Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công.....	70
2.2.2.4. Hạch toán chi phí Sản xuất chung.....	82
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN CƯ'</b> .....	<b>93</b>
3.1 Nhận xét đánh giá về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.....	93
3.1.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm. ....	93
3.1.2 Những tồn tại cần hoàn thiện trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH AN CƯ.....	95
3.2 Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH An Cư.....	96
3.2.1 Yêu cầu.....	96
3.2.2 Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Cư.....	96
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>100</b>
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	<b>102</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>103</b>